

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH
CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Tên Công ty: Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An

Tên viết tắt: LAWACO

Địa chỉ trụ sở chính: 250 Hùng Vương, Phường Long An, tỉnh Tây Ninh

Điện thoại: 072.3825.114

Fax: 072.3826.040

Website: www.lawaco.com.vn

Người công bố thông tin: Cao Duy Thanh

Chức danh: Trưởng ban kiểm soát

Loại thông tin công bố:

☒ Định kỳ ☐ 24h ☐ 72h ☐ Theo yêu cầu ☐ Khác

Nội dung thông tin công bố: Báo cáo thường niên năm 2025

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày **10/02/2026** tại Website:
<http://lawaco.com.vn>

Chúng tôi xin cam kết những thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung thông tin đã công bố.

Tây Ninh, ngày 10 tháng 2 năm 2026
Người được ủy quyền công bố thông tin

(Chữ ký, họ tên và đóng dấu)



Cao Duy Thanh

Phụ lục IV BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN (Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC
ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP THOÁT NƯỚC LONG AN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Long An, ngày 10 tháng 2 năm 2026

Số: 268./BC-LAW

BÁO CÁO

Thường niên năm 2025

Kính gửi: - Ủy Ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LONG AN
- Giấy CNĐKDN: số 1100101500 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp lần đầu ngày 12/07/2007, đăng ký thay đổi lần 7 ngày 5/9/2023.
- Vốn điều lệ: 122.000.000.000 đồng (Một trăm hai mươi hai tỷ đồng)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 73.200.000.000 (Bảy mươi ba tỷ, hai trăm triệu đồng)
- Địa chỉ: 250 Hùng Vương, Phường Long An, tỉnh Tây Ninh
- Số điện thoại: 0272.3825.114
- Số Fax: 0272.3826.040
- Website: www.lawaco.com.vn
- Mã cổ phiếu: LAW
- Quá trình hình thành và phát triển

1956	Nhằm mục đích phục vụ cho sinh hoạt hằng ngày của người dân tại Tân An, chính quyền địa phương cho khai thác giếng cung cấp nước sinh hoạt tại đây và thành lập thành Xí nghiệp Cấp nước. Đây là tiền thân của Công ty Cấp nước Long An. Nhằm mục đích phục vụ cho sinh hoạt hằng ngày của người dân tại Tân An, chính quyền địa phương cho khai thác giếng cung Cấp nước sinh hoạt tại đây và thành lập thành Xí nghiệp Cấp nước.
1979	Do tình hình phát triển Thị xã Tân An nhu cầu nước sạch ngày một tăng cao, để đáp ứng nhu cầu cung cấp nước cho khu vực, Xí nghiệp Cấp nước tiến hành xây dựng trạm bơm nước, lấy nước từ sông Bảo Định, xử lý và cung cấp cho khu vực với công suất 8.000 m3/ngày đêm.
1992	Ngày 21/11/1992 UBND Tỉnh Long An ban hành quyết định số 1186.UB.QĐ.92 đổi tên Xí nghiệp Cấp nước Long An thành Công ty Cấp nước Long An, trực thuộc Sở Xây dựng Long An.

2007	Căn cứ Nghị định số 95/2006/NĐ-CP ngày 08/09/2006 của Chính phủ về việc chuyển đổi Công ty Nhà nước thành Công ty TNHH MTV và căn cứ Quyết định số 1214/QĐ-UBND ngày 08/05/2007 của UBND Tỉnh Long An về phê duyệt phương án chuyển đổi Công ty Cấp nước Long An thành Công ty TNHH MTV Cấp nước Long An. Toàn Công ty có công suất là 37.200 m ³ /ngày đêm, bao gồm sản lượng từ các Xí nghiệp: Xí nghiệp Cấp nước Tân An, Xí nghiệp Cấp nước Gò Đen, Xí nghiệp Cấp nước Bình Ảnh
2009	Ngày 23/02/2009, UBND Tỉnh Long An ban hành quyết định số 519/QĐ-UBND về việc thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hóa doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Cấp nước Long An. Đến ngày 04/12/2009 và 10/11/2011, UBND Tỉnh Long An ra quyết định số 3193/QĐ-UBND và quyết định số 3577/QĐ-UBND để thay đổi thành viên ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty Cấp nước Long An.
2013	Ngày 24/04/2013, Ủy ban nhân dân Tỉnh Long An ra Quyết định số 1429/QĐ-UBND chuyển đổi loại hình hoạt động của Công ty TNHH MTV Cấp nước Long An. Ngày 26/06/2013, Công ty TNHH MTV Cấp nước Long An đã đấu giá 3.199.900 cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh với giá khởi điểm là 10.000 đồng/cổ phiếu, giá đấu thành công bình quân là 10.104 đồng/cổ phiếu. Công ty chính thức đi vào hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần từ ngày 01/10/2013 với mức vốn Điều lệ đăng ký là 135 tỷ đồng (căn cứ Quyết định số 540/QĐ-UBND ngày 31/01/2013 của UBND tỉnh Long An về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp của Công ty TNHH MTV Cấp nước Long An để cổ phần hóa); Vốn điều lệ thực góp là 113.505.614.984 đồng (căn cứ Biên bản số 2408/BB-STC thông qua Báo cáo tài chính của Công ty TNHH MTV Cấp nước Long An tại thời điểm ngày 30/09/2013).
2015	Căn cứ đề nghị của Sở Tài chính tỉnh Long An tại Tờ trình số 175/TTr-STC ngày 15/01/2015 trên cơ sở đánh giá lại giá trị thực tế phần vốn Nhà nước của Công ty, ngày 26/01/2015 Ủy ban nhân dân tỉnh Long An ban hành Quyết định số 285/QĐ-UBND về việc điều chỉnh Vốn điều lệ của Công ty cổ phần cấp thoát nước Long An. Ngày 23/04/2015, Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 4 với mức Vốn điều lệ 122 tỷ đồng. Ngày 15/05/2015, Công ty cổ phần Cấp thoát nước Long An được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận trở thành Công ty đại chúng. Ngày 26/11/2015 Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ban hành Quyết định số: 787/QĐ-SGDHN chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu CTCP Cấp thoát nước Long An
2016	Ngày 30/06/2016, Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 5 với mức vốn điều lệ 122 tỷ đồng.
2021	Ngày 02/12/2021 được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 6
2023	Ngày 05/09/2023 được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 7

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật Chi tiết: Kiểm tra và phân tích các chỉ tiêu hóa lý, vi sinh của nước	7120
2	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Kinh doanh nước uống đóng chai	4669
3	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng Chi tiết: Sản xuất nước uống đóng chai	1104
4	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Kinh doanh các loại vật tư, thiết bị chuyên ngành nước	4663
5	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Kiểm định, hiệu chuẩn, hiệu chỉnh đo, thử nghiệm phương tiện đo, (đồng hồ nước lạnh)	7490
6	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Quản lý và lắp đặt hệ thống đường ống cấp thoát nước; Thi công hệ thống cấp thoát nước và công trình hạ tầng kỹ thuật, thi công công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
7	Truyền tải và phân phối điện Chi tiết: bán điện cho điện lực “trừ truyền tải, điều độ hệ thống điện quốc gia và quản lý lưới điện phân phối, thủy điện đa mục tiêu điện hạt nhân”	3512
8	Thu gom rác thải không độc hại Chi tiết: Thu gom bùn thải từ quá trình xử lý nước cấp	3811
9	Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại Chi tiết: Xử lý bùn thải từ quá trình xử lý nước cấp	3821
10	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Thiết kế cấp thoát nước công trình xây dựng. Thiết kế cấp thoát nước - môi trường nước công trình xây dựng. Thẩm tra thiết kế, dự toán công trình xây dựng. Giám sát thi công xây dựng và hoàn thiện công trình cấp thoát nước, lắp đặt thiết bị công trình. Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình. Lập dự toán và tổng hợp dự toán công trình xây dựng. Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng. Tư vấn đấu thầu.	7110
11	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600 (chính)

12	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Khoan thăm dò và khoan khai thác nước ngầm	0899
----	---	------

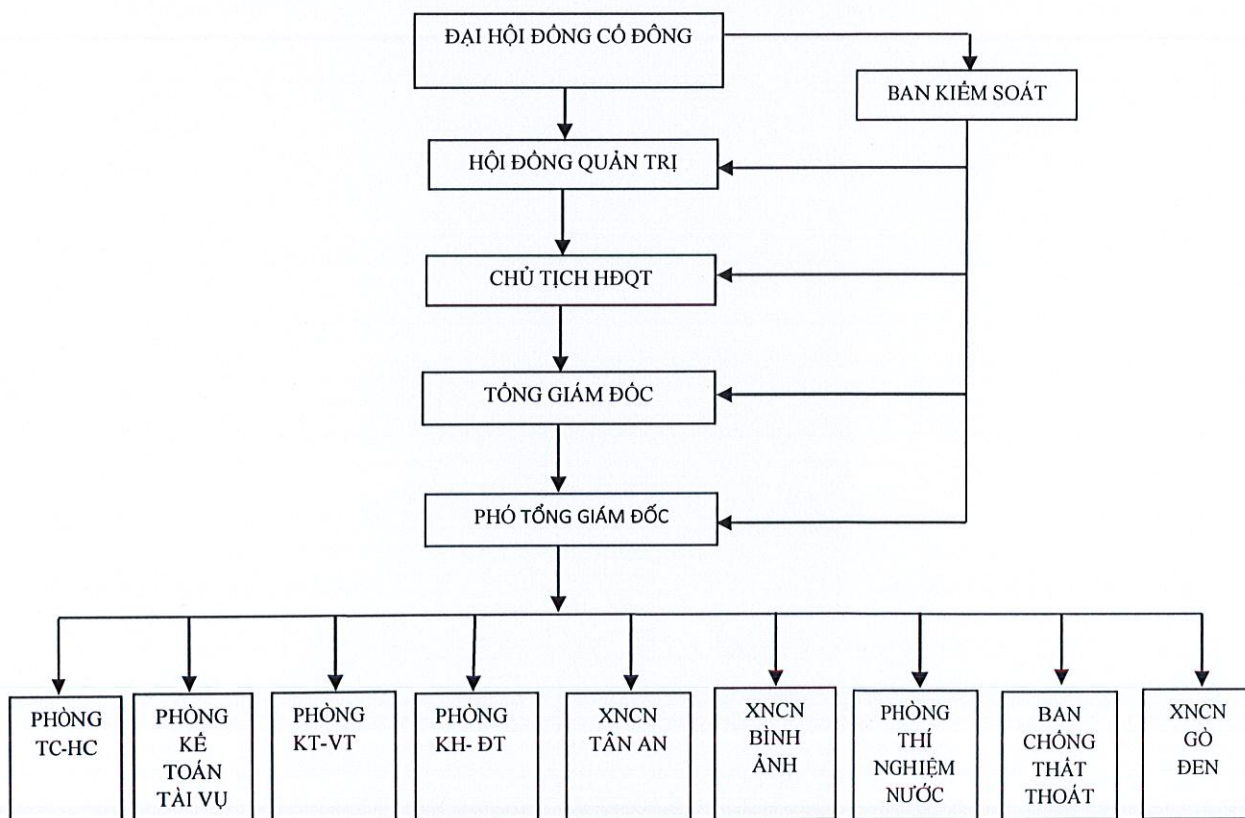
- Địa bàn kinh doanh: Phường Long An, Phường Tân An, Phường Khánh Hậu, xã Bến Lức, Long Cang, Long Định, Lương Hòa, Long Sơn, Bàn Giao, Mỹ Lộc, Mỹ Lệ, Mỹ Yên, Phước Vĩnh Tây, Rạch Kiến, Tân Tập, Phước Lý, Đức Huệ, Nhựt Tảo, Tân Trụ, Thủ Thừa, Vàm Cỏ, Thạnh Lợi, Bình Đức.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

* Mô hình quản trị Công ty:

- Đại hội Đồng Cổ đông
- Hội đồng quản trị
- Ban kiểm soát
- Tổng giám đốc

* Cơ cấu bộ máy quản lý



4. Định hướng phát triển:

4.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- Tăng cường năng lực tài chính và tối ưu hóa việc sử dụng nguồn vốn đầu tư để mở rộng hệ thống cấp nước, nâng cấp và cải thiện công suất các xí nghiệp, đáp ứng nhu cầu sử dụng nước trong sinh hoạt và sản xuất.

- Chủ động ứng phó với tác động của hạn mặn theo chu kỳ hàng năm, đảm bảo nguồn nước sạch do Công ty cung cấp luôn đạt tiêu chuẩn chất lượng theo quy định, đáp ứng nhu cầu của khách hàng và duy trì sự ổn định trong hoạt động kinh doanh.

- Hướng đến mục tiêu giảm thiểu tối đa tình trạng hao hụt và thất thoát nước bằng cách tăng cường công tác kiểm tra, thay thế, bảo trì hệ thống cấp nước, kịp thời phát hiện và xử lý các sự cố. Công ty chủ động đưa ra phương án sửa chữa, thay thế phù hợp nhằm khắc phục nhanh chóng các vấn đề phát sinh, qua đó giảm tỷ lệ thất thoát nước.

- Tập trung nguồn vốn để đầu tư, cải tiến thiết bị và ứng dụng công nghệ tiên tiến trong sản xuất nước sạch, nâng cao hiệu quả quản lý và hoạt động kinh doanh. Đồng thời, Công ty không ngừng gia tăng khả năng ổn định và phát triển bền vững, đảm bảo đáp ứng nhu cầu thị trường một cách hiệu quả.

- Phát triển nguồn nhân lực theo hướng chuyên nghiệp và hiện đại, chú trọng công tác đào tạo và bồi dưỡng nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, kỹ thuật, kinh doanh và sản xuất có chuyên môn cao, đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty hoàn thành các mục tiêu.

4.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Thực hiện các chiến lược về phát triển bền vững, kinh doanh hiệu quả và xây dựng cơ cấu tổ chức để trở thành một trong những doanh nghiệp dẫn đầu và vững mạnh trong ngành cấp nước tại Tây Ninh và khu vực, mang đến cho khách hàng sự hài lòng về sản phẩm nước sạch chất lượng cao và dịch vụ hoàn hảo.

Đảm bảo hệ thống cấp nước an toàn, nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng, Công ty tập trung phân vùng và tối ưu hóa hệ thống mạng lưới cấp nước; đẩy mạnh các giải pháp chống thất thoát nước, ứng dụng công nghệ hiện đại trong phát hiện rò rỉ đường ống, đồng thời triển khai biện pháp quản lý hiệu quả nhằm xác định nhanh các vị trí rò rỉ. Bên cạnh đó, Công ty thay thế các tuyến ống cũ mục và đồng hồ để kiểm soát chất lượng nước, giảm thiểu hao hụt và ngăn ngừa rủi ro.

Xây dựng văn hóa doanh nghiệp vững mạnh, không ngừng cải tiến phương thức làm việc, khuyến khích người lao động đóng góp sáng kiến và giải pháp sáng tạo, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động và thúc đẩy sự phát triển bền vững của Công ty.

4.3. Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty)

- Với vai trò là doanh nghiệp sản xuất và cung cấp nước sạch, Công ty luôn ý thức rõ trách nhiệm trong việc bảo vệ nguồn nước, bảo vệ môi trường và tuân thủ chặt chẽ các quy định pháp luật về tài nguyên nước. Ban lãnh đạo Công ty đặc biệt chú trọng đến việc quản lý và sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên, đảm bảo cung cấp nước sạch đạt tiêu chuẩn chất lượng cho người dân trong vùng phục vụ.

- Tuyên truyền bảo vệ nguồn nước sạch, sử dụng nước tiết kiệm tại các hộ gia đình, cơ quan, xí nghiệp.

- Duy trì, tích cực tham gia công tác từ thiện xã hội theo hướng trực tiếp, thiết thực chăm lo đời sống cộng đồng, hỗ trợ giúp đỡ người dân chịu ảnh hưởng bởi thiên tai.

- LAWACO luôn thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước. Công ty chủ động tham gia và tổ chức các hoạt động đoàn thể như hiến máu tình nguyện cũng như các chương trình công tác xã hội, với mục tiêu mang lại những hỗ trợ thiết thực, góp phần cải thiện đời sống cộng đồng...

5. Các rủi ro:

5.1. Rủi ro kinh tế

Giá bán nước sạch của Công ty do UBND tỉnh quyết định, chưa được tính đúng, tính đủ, trong khi đó các nguyên, nhiên, vật liệu ... đầu vào của Công ty liên tục tăng nên yếu tố ảnh hưởng tới giá thành nước tăng sẽ mất nhiều thời gian, từ khi cần điều chỉnh giá bán nước sạch do các giai đoạn lập và trình các cấp có thẩm quyền quyết định và phê duyệt, làm giảm tính linh hoạt trong cơ chế giá bán nước sạch của Công ty, ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất – kinh doanh của Công ty.

Biến đổi khí hậu khiến nước ngầm bị suy thoái về lưu lượng và chất lượng, nước mặt thường xuyên biến động, ảnh hưởng đến nguồn nước đầu vào, làm tăng chi phí xử lý nước của Công ty. Suy thoái kinh tế do ảnh hưởng địa chính trị dẫn đến ảnh hưởng hoạt động của doanh nghiệp trên địa bàn.

5.2. Rủi ro đặc thù

Với đặc thù là đơn vị sản xuất cung cấp nước sử dụng cho sản xuất và sinh hoạt, Công ty phải gánh chịu rủi ro đặc thù về vấn đề thất thoát trong quá trình cung cấp, thất thoát không chỉ ảnh hưởng hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty mà còn gây lãng phí nguồn tài nguyên quốc gia. Theo đó, việc giải quyết bài toán chống thất thoát là một thách thức không nhỏ đối với ban lãnh đạo và người lao động của Công ty.

Trước tình hình đó, để giảm thiểu rủi ro thất thoát nước, LA WACO luôn đạt mục tiêu nâng cấp, cải tạo hệ thống đường ống, kiểm tra, bảo trì và thay thế các đồng hồ đo lường. Bên cạnh đó Công ty cũng tăng cường kiểm soát và xử lý các vi phạm đối với sử dụng nước trái phép. Những nỗ lực này không chỉ giúp thúc đẩy phát triển bền vững cho Công ty mà còn bảo vệ nguồn tài nguyên nước quốc gia. Tuy nhiên, việc giải quyết bài toán chống thất thoát nước sạch cũng là một nhiệm vụ chung của cả những người sử dụng.

5.3. Rủi ro về môi trường

- Biến đổi khí hậu tác động tiêu cực đến ngành cấp nước thông qua việc làm khan hiếm nguồn nước thô (hạn hán, cạn kiệt sông hồ), gia tăng ô nhiễm, và gây xâm nhập mặn nghiêm trọng do mực nước biển dâng. Thời tiết cực đoan như lũ lụt, bão cũng phá hủy hạ tầng, trong khi nhiệt độ tăng làm giảm chất lượng nước, đe dọa an ninh cấp nước bền vững.

- Tình hình xâm nhập mặn vào những tháng đầu năm đối với ngành cấp nước nói chung và Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An nói riêng là rủi ro khá nghiêm trọng.

Ngoài ra, hoạt động của Công ty còn chịu ảnh hưởng bởi một rủi ro bất khả kháng như: rủi ro thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, rủi ro biến động chính trị, xã hội....

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

Kết quả hoạt động sản xuất – kinh doanh trong năm 2025

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	% so kế hoạch
Doanh thu	Đồng	335.000	359.116	107,2

Nước	Đồng	318.500	340.983	107,1
Đường ống	Đồng	16.300	17.035	104,5
Doanh thu khác	Đồng	200	160	80
Doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác	Đồng	0	938	
Lợi nhuận trước thuế	Đồng	26.000	33.223	127,8

2. Tổ chức và nhân sự:

- Danh sách ban điều hành:

- Họ và tên: Trương Ngọc Thùy Trang - Chức vụ: Tổng giám đốc

Ngày tháng năm sinh: 14/11/1990

Giới tính: Nữ

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Quê quán: Cần Giuộc, Long An

Địa chỉ thường trú: 25 Trần Triệu Luật, Phường 7, Quận Tân Bình, TPHCM

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ, kỹ sư Môi trường

Đại diện sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

+ Đại diện sở hữu của UBND Tỉnh Tây Ninh: 2.684.000 cổ phần, chiếm 22%VĐL

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Tháng 5- T8/2016	Viện nghiên cứu Fraunhofer về Kinh tế năng lượng và công nghệ Hệ thống năng lượng (IEE), Kassel, Đức	Thực tập sinh
T02/2017- T12/2019	Công ty tư vấn đa quốc gia ENEA Consulting Pty Ltd, Melbourne, Úc	Chuyên viên tư vấn
T03/2020- T7/2020	Ban QKDA EPC, Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng Điện 2	Phó trưởng Phòng Kỹ thuật
T7/2020- T4/2021	Ban QKDA EPC, Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng Điện 2	Trưởng phòng Kỹ thuật
T05/2021- T8/2023	Ban QLDA EPC, Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng Điện 2	Phó Giám đốc

Từ 28/6/2021 – 8/2023	Công ty cổ phần Năng lượng Sinh khối Hậu Giang	Tổng giám đốc – Người đại diện pháp luật (kiêm nhiệm)
Từ 9/2023- 24/4/2024	Công ty cổ phần Cấp thoát nước Long An	Thành viên HĐQT, kiêm PTGD
Từ 25/4/2024- nay	Công ty cổ phần Cấp thoát nước Long An	Thành viên HĐQT, kiêm TGD

- Họ và tên: Lưu Văn Cần – Chức vụ: Phó Tổng giám đốc

Ngày tháng năm sinh: 20/8/1979

Giới tính: Nam

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Quê quán: Tân Trụ, Tây Ninh.

Địa chỉ thường trú: 333 Ấp 2, phường Tân An, tỉnh Tây Ninh

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kỹ thuật - môi trường, Thạc sĩ Quản lý Tài nguyên và Môi trường

+ Sở hữu cá nhân: 700 cổ phiếu, chiếm 0,006% VDL

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
T10/2005 – T 04/2013	Công ty cấp nước Long An	Nhân viên
T05/2013- T9/2013	Công ty TNHH MTV cấp nước Long An	Phó trưởng Phòng Kỹ thuật – Vật tư
T10/2013- T10/2022	Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An	Phó trưởng Phòng Kỹ thuật – Vật tư
T11/2022 - nay	Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc
T10/2023- nay	Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An	Phó Bí thư Đảng bộ cơ sở

- Họ và tên: Nguyễn Quốc Phong – Kế toán trưởng

Ngày tháng năm sinh: 19/10/1977

Giới tính: Nam

Nơi sinh: Châu Thành, Tiền Giang

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Quê quán: Tiền Giang

Địa chỉ thường trú: Tân Hội Đông, Châu Thành, Tiền Giang

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0272.3825.121

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Chức vụ hiện nay tại công ty: Kế toán trưởng

Số lượng cổ phần nắm giữ: 300 cổ phần, chiếm 0,002% VDL

+ Sở hữu cá nhân: 300 cổ phần, chiếm 0,002% VDL

Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
T3/2005 – T 4/2005	Nhà máy cấp nước Gò Đen thuộc Công ty Cấp nước Long An	Nhân viên
T05/2005 – T6/2011	Phòng Kế toán - Công ty TNHH MTV cấp nước Long An	Nhân viên
T7/2011- T9/2013	Công ty TNHH MTV cấp nước Long An	Quyền Kế toán trưởng
T10/2013 đến nay	Công ty cổ phần Cấp thoát nước Long An	Kế toán trưởng

- Những thay đổi trong ban điều hành: (không có)

- Số lượng cán bộ, nhân viên

STT	Tính chất phân loại	Thời điểm 31/12/2025	Tỷ lệ (%)
A	Theo trình độ	158	100
1	Trình độ đại học và sau đại học	67	42,4
2	Trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp	29	18,35
3	Trình độ khác	62	39,25
B	Theo tính chất hợp đồng lao động	158	100
1	Hợp đồng không thời hạn	133	84,2
2	Không thuộc đối tượng ký HĐLĐ	1	0,6
3	Hợp đồng có thời hạn	24	15,2

- Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp

a) Chính sách tiền lương, thưởng:

Công ty áp dụng hệ thống nhóm, bảng lương theo công việc mà công ty xây dựng cho từng chức danh công việc phù hợp với tình hình thực tế của Công ty.

b) Chính sách đào tạo

Công ty luôn đặt trọng tâm vào việc xây dựng và duy trì một đội ngũ nhân viên có trình độ cao thông qua các chương trình đào tạo bài bản và những hoạt động chia sẻ, học hỏi kinh nghiệm. Bên cạnh đó, công ty thường xuyên tổ chức các khóa học nâng cao kỹ năng và chuyên môn cho công nhân, giúp họ làm quen với những công nghệ tiên tiến nhất. Nhờ vậy, mọi nhân viên đều được trang bị đầy đủ kiến thức và kỹ năng cần thiết, góp phần nâng cao năng suất lao động và thúc đẩy sự phát triển lâu dài của công ty.

c) Các chế độ chính sách khác đối với người lao động

- Công ty thực hiện đúng theo quy định về chế độ trợ cấp thôi việc, trợ cấp thai sản, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp đầy đủ cho toàn thể nhân viên. Công ty mua Bảo hiểm con người 24/24 giờ cho toàn thể NLĐ trong Công ty với mức 10.000.000đ/người/năm. Hàng năm nâng lương đúng thời hạn cho người lao động v.v...

- Hàng năm Công ty có tổ chức cho toàn thể người lao động đi tham quan, nghỉ mát và tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho CB. CNV người lao động trong toàn Công ty.

- Chính sách cổ tức

Căn cứ theo Quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ của công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, chính sách phân phối cổ tức do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

STT	Năm	Tỷ lệ chi trả cổ tức	Hình thức
1	2023	6,68	Không chia cổ tức năm 2023, chuyển sang nguồn vốn đầu tư xây dựng năm 2024
2	2024	9,08%	Không chia cổ tức năm 2024, chuyển sang nguồn vốn để tiếp tục đầu tư phát triển cho năm 2025
3	2025	13,4%	Đề nghị không chia cổ tức năm 2025, chuyển sang nguồn vốn để tiếp tục đầu tư phát triển cho năm 2026

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

a. Đầu tư phát triển:

Trong năm 2025 công ty đã đầu tư các công trình với giá trị 66.221 triệu đồng. Các dự án, công trình được thực hiện và hoàn thành theo đúng tiến độ yêu cầu, chất lượng đảm bảo, đáp ứng theo đúng mục tiêu và quy định của pháp luật hiện hành.

Đồng thời, Công ty đã đầu tư phát triển hơn 100km chiều dài đường ống các loại, góp phần mở rộng vùng phục vụ cấp nước của Công ty, tăng số lượng khách hàng và tăng doanh thu đáng kể cho Công ty

b. Các công ty con, công ty liên kết: (không có)

4. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài chính

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	342,278	411,390	20.19%
Doanh thu thuần	325,379	358,177	10.12%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	23,230	33,223	42.97%
Lợi nhuận khác	0,037	0,010	-72.9%
Lợi nhuận trước thuế	23,268	33,223	42.78%
Lợi nhuận sau thuế	20,254	29,837	47.31%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	55%	55%	

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	% tăng giảm
Hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn:			
+ Hệ số thanh toán nợ ngắn hạn = Tài sản NH / Nợ ngắn hạn	0.45	0.49	8.89%
+ Hệ số thanh toán nhanh: $\frac{\text{TSNH} - \text{Hàng tồn kho}}{\text{Nợ ngắn hạn}}$	0.26	0.35	34.62%
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn :			
+ Hệ số nợ = Nợ phải trả/Tổng tài sản x100%	0.45	0.5	11.11%
+ Hệ số nguồn vốn chủ sở hữu = Nguồn vốn CSH/ Σ nguồn vốn x100%	0.55	0.5	-9.09%
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động :			
+ Vòng quay hàng tồn kho = Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho	16.53	14.01	-15.25%

bình quân			
+ Vòng quay vốn kinh doanh = Doanh thu thuần/Tổng TS bình quân	0.99	0.95	0.04%
Các chỉ tiêu sinh lời: + Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE). Tỷ suất LN sau thuế trên VCSH = Lợi nhuận sau thuế/vốn CSHx100%	0.11	0.14	27.27%

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Cổ phần:

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 12.200.000 (mười hai triệu hai trăm ngàn)
- Loại cổ phần đang lưu hành: cổ phiếu phổ thông
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của Pháp luật: không có.

b. Cơ cấu cổ đông: tính đến ngày 20/3/2025

STT	Loại Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Giá trị (VNĐ)	Tỷ lệ % trên VDL thực góp
I	Cổ đông trong nước	147	12.200.000	122.000.000.000	100%
1	Cổ đông cá nhân	145	236.260	2.362.600.000	1,94%
2	Cổ đông tổ chức	02			
	UBND tỉnh Tây Ninh		7.320.000	73.200.000.000	60%
	Công ty cổ phần Tổng công ty nước – Môi trường Bình Dương		4.643.740	46.437.400.000	38,06%
II	Cổ đông ngoài nước	0	0	0	0%
1	Cổ đông cá nhân	0	0	0	0%
2	Cổ đông tổ chức	0	0	0	0%
Tổng cộng		147	12.200.000	122.000.000.000	100%

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu trong năm:

Trong năm chuyển giao đại diện chủ sở hữu vốn Nhà nước tại Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An của UBND tỉnh Long An cho chủ sở hữu mới là UBND tỉnh Tây Ninh sau sáp nhập đơn vị hành chính cấp tỉnh từ ngày 1/7/2025 theo chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh.

d. *Giao dịch cổ phiếu quỹ*: không có

e. *Các loại chứng khoán khác*: không có

6. *Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty*

6.1. *Quản lý nguồn nguyên vật liệu*:

a. Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm:

Trong quy trình sản xuất, việc sử dụng các hóa chất như CLO và PAC là cần thiết để đảm bảo chất lượng nước sau xử lý. Để bảo vệ an toàn và chất lượng nước, Công ty Cấp thoát nước Long An luôn tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về liều lượng và nồng độ của các hóa chất này. Bên cạnh đó, Công ty cũng chú trọng lựa chọn ống nước làm từ nhựa HDPE, thực hiện bảo dưỡng và vệ sinh định kỳ, kiểm tra thường xuyên các điểm đầu nối, và thay thế các tuyến ống cũ để giảm thiểu rủi ro thất thoát nước và duy trì chất lượng nước sạch

b. Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: không có

6.2. *Tiêu thụ năng lượng*:

a. Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:

Nguồn năng lượng sử dụng trong quá trình hoạt động của Công ty chủ yếu là trực tiếp như: Điện

- Năng lượng điện dùng cho Sản xuất nước sạch và văn phòng: 6.137.781 KW/năm.

Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả:

- Công ty đã lắp đặt biến tần cho một số trạm bơm nước để sử dụng năng lượng có hiệu quả và hợp lý hơn;

- Lắp đặt hệ thống pin năng lượng mặt trời (solar) tại trạm cấp nước Lợi Bình Nhơn:

+ Số liệu điện năng solar phát ra trong 01 tháng khoảng 3.255kw tương ứng với số tiền là: 4,6 triệu đồng/tháng.

c. Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo): không có

6.3. *Tiêu thụ nước*

a. Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:

- Nguồn nước tự khai thác còn nhiều hạn chế do những yếu tố khách quan như nước ngầm hạn chế về trữ lượng, tình hình xâm nhập mặn vào những tháng đầu năm là vô cùng khó khăn với Công ty.

- Công ty phụ thuộc nguồn nước từ Nhà máy nước Nhị Thành của Công ty Cổ phần nước Biwase - Long An (chiếm 60% sản lượng nước khai thác).

- Nguồn tự khai thác nước 12.782.000m³;

- Nguồn nước mặt mua từ Biwase - Long An: 17.081.000 m³;

- Lượng nước ghi thu: 27.350.000 m³

b. Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng:

Công ty đã đầu tư hệ thống thu hồi nước sau rửa lọc thành nước cấp cho XNCN Bình Ảnh, 1 tháng thu hồi được 7.200 m³

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

a. Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không có

b. Tổng số tiền do bị phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không có

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động:

a. Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động: 156 người, mức lương trung bình: 21,6 triệu đồng/người/tháng.

b. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

Hàng năm Công ty có tổ chức cho CB CNV đi tham quan du lịch một lần và tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động, tổ chức tập huấn về an toàn lao động cho công nhân.

c. Hoạt động đào tạo người lao động:

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên:

Theo nhu cầu cụ thể của các phòng, ban, xí nghiệp trong công ty

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp:

Đào tạo nâng cao tay nghề, chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng tổ chức, quản lý v.v...

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

Phối hợp với đơn vị tài trợ tổ chức tặng quà tết cho hộ nghèo trên địa bàn huyện Bến Lức, Thủ Thừa, Tân Trụ, Tân Hưng, Bình Tâm với 618 phần quà, tổng kinh phí trên 300 triệu đồng, trao 1 căn nhà nghĩa tình vùng biên với số tiền 60 triệu đồng, vận động CBCNV - NLĐ tham gia ủng hộ đồng bào bị ảnh hưởng do cơn bão số 10 với số tiền 100 triệu đồng, ...

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Không có

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	% so kế hoạch
Doanh thu	Đồng	335.000	359.116	107,2
Nước	Đồng	318.500	340.983	107,1
Đường ống	Đồng	16.300	17.035	104,5
Doanh thu khác	Đồng	200	160	80

Doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác	Đồng	0	938	
Lợi nhuận trước thuế	Đồng	26.000	33.223	127,7

Năm 2025, Công ty đã hoàn thành và vượt mức các chỉ tiêu ĐHĐCĐ giao như: Sản lượng, doanh thu, lợi nhuận, nghĩa vụ với ngân sách.

2. Tình hình tài chính

Tổng quan năm 2025, bức tranh tài chính của Công ty tiếp tục ghi nhận sự tăng trưởng vượt bậc về quy mô tài sản và nguồn vốn. Điều này khẳng định chiến lược mở rộng mạng lưới và đầu tư chiều sâu của Ban lãnh đạo đang đi đúng hướng, tạo đà phát triển bền vững.

a. Tình hình tài sản

Tính đến ngày 31/12/2025, tổng tài sản của Công ty đạt **411.390 triệu đồng**, tăng **69.111 triệu đồng** (tương đương tăng 20,19%) so với đầu năm. Cơ cấu tài sản có sự chuyển dịch tích cực, tập trung vào việc gia tăng tài sản ngắn hạn để đảm bảo thanh khoản và đầu tư chiều sâu vào tài sản dài hạn phục vụ sản xuất.

Bảng 1: Tình hình tài sản tại ngày 31/12/2025

(Đơn vị tính: Triệu đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2024	Tăng/giảm (+/-)	Tỷ lệ (%)
A. Tài sản ngắn hạn	64.625	37.820	+26.805	+70,88%
- Tiền và các khoản tương đương tiền	19.947	5.409	+14.538	+268,76%
- Các khoản phải thu ngắn hạn	19.330	13.088	+6.242	+47,69%
- Hàng tồn kho	19.543	15.702	+3.841	+24,46%
- Tài sản ngắn hạn khác	5.804	2.732	+3.072	+112,45%
B. Tài sản dài hạn	346.765	304.459	+42.306	+13,89%
- Tài sản cố định	316.073	303.154	+12.919	+4,26%
- Tài sản dở dang dài hạn	16.609	331	+16.278	+4.917%

Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2024	Tăng/giảm (+/-)	Tỷ lệ (%)
- Tài sản dài hạn khác	14.083	974	+13.109	+1.346%
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	411.390	342.279	+69.111	+20,19%

Tại ngày 31/12/2025, tổng tài sản của Lawaco đạt **411.390 triệu đồng**, ghi nhận mức tăng trưởng ấn tượng **20,19%** (tương ứng tăng hơn 69 tỷ đồng) so với đầu năm. Sự gia tăng mạnh mẽ về quy mô tài sản cho thấy năng lực tài chính của Công ty đang được củng cố vững chắc, tạo đà cho các kế hoạch mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh.

Về Tài sản ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn ghi nhận sự bứt phá mạnh mẽ với mức tăng **70,88%**, đạt giá trị **64.625 triệu đồng** và nâng tỷ trọng lên **15,71%** trong cơ cấu tổng tài sản (so với 11,05% đầu năm). Động lực chính cho sự tăng trưởng này đến từ việc Công ty đã cải thiện đáng kể lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền (tăng gấp 3,6 lần lên mức 19,9 tỷ đồng), đảm bảo tính thanh khoản cao và khả năng đáp ứng nhanh các nghĩa vụ tài chính ngắn hạn. Bên cạnh đó, hàng tồn kho cũng gia tăng để phục vụ cho nhu cầu sản xuất và phát triển mạng lưới.

Về Tài sản dài hạn: Tài sản dài hạn vẫn chiếm tỷ trọng chủ đạo (**84,29%**) trong cơ cấu tài sản, đạt **346.765 triệu đồng**, tăng **13,89%** so với đầu năm. Điều này phản ánh Công ty đang tập trung nguồn lực mạnh mẽ cho các dự án trọng điểm. Đây là các khoản đầu tư chiến lược nhằm nâng cao năng lực cấp nước và giảm thất thoát trong dài hạn. Công ty tiếp tục duy trì và khai thác hiệu quả khối lượng lớn tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn giá trị sử dụng với nguyên giá đạt **139,3 tỷ đồng** (tăng so với mức 125,8 tỷ đồng của đầu năm). Việc tận dụng tối đa các tài sản này giúp Công ty tối ưu hóa chi phí khấu hao, từ đó đóng góp tích cực vào biên lợi nhuận chung.

Cơ cấu tài sản năm 2025 của Lawaco chuyển dịch theo hướng tích cực: vừa đảm bảo an toàn thanh khoản thông qua việc gia tăng tài sản ngắn hạn, vừa tập trung đầu tư chiều sâu vào tài sản dài hạn để mở rộng mạng lưới và nâng cao công suất. Đây là nền tảng vững chắc để Công ty tiếp tục đà tăng trưởng bền vững trong các năm tiếp theo.

b. Tình hình nguồn vốn

Tổng nguồn vốn của Công ty tại thời điểm 31/12/2025 đạt **411.390 triệu đồng**, tăng tương ứng với phần tài sản. Trong đó, Công ty duy trì cấu trúc vốn an toàn với sự gia tăng của cả vốn chủ sở hữu và việc sử dụng hiệu quả đòn bẩy tài chính và vay ưu đãi.

Bảng 2: Tình hình nguồn vốn tại ngày 31/12/2025

(Đơn vị tính: Triệu đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2024	Tăng/giảm (+/-)	Tỷ lệ (%)
A. Nợ phải trả	204.349	155.240	+49.109	+31,63%
- Nợ ngắn hạn	130.423	84.231	+46.192	+54,84%
- Nợ dài hạn	73.926	71.009	+2.917	+4,11%
B. Vốn chủ sở hữu	207.042	187.038	+20.004	+10,70%
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	411.390	342.279	+69.111	+20,19%

Nguồn: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2025

Nợ phải trả tăng 31,63%, chủ yếu do nợ ngắn hạn tăng (54,84%). Nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ việc Công ty tận dụng hiệu quả nguồn vốn tín dụng thương mại (khoản phải trả người bán tăng mạnh) để tài trợ cho hoạt động kinh doanh mà không phát sinh chi phí lãi vay. Nợ dài hạn Duy trì sự ổn định với mức tăng nhẹ 4,11%, chủ yếu là các khoản vay ưu đãi cho dự án hạ tầng nước sạch. Sự ổn định này cho thấy Công ty đang kiểm soát tốt cấu trúc vốn dài hạn, tránh rủi ro biến động lãi suất và áp lực trả nợ lớn trong tương lai..

Hệ số Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu tăng từ 0,83 lần lên 0,99 lần. Tỷ lệ này xấp xỉ 1:1 cho thấy sự cân bằng giữa vốn chủ sở hữu và vốn vay. Đây là cơ cấu vốn phù hợp với giai đoạn đầu tư phát triển mạnh của Công ty, giúp tối ưu hóa chi phí sử dụng vốn.

Tuy nợ ngắn hạn tăng nhanh hơn tài sản ngắn hạn, nhưng công ty vẫn đảm bảo khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn khi đến hạn. Báo cáo kiểm toán năm 2025 của Công ty TNHH Kiểm toán VACO cho thấy các khoản nợ phải trả của công ty vẫn trong tầm kiểm soát và có khả năng thanh toán.

c. Vốn Chủ Sở Hữu: Tăng trưởng Vững chắc

Tính đến ngày 31/12/2025, quy mô Vốn chủ sở hữu của Công ty đạt **207,04 tỷ đồng**, ghi nhận mức tăng trưởng **10,7%** so với đầu năm. Động lực tăng trưởng chủ yếu đến từ việc tích lũy lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và bổ sung Quỹ đầu tư phát triển, phản ánh năng lực tài chính nội tại ngày càng vững mạnh. Với cấu trúc vốn an toàn và nguồn lực tự có dồi dào, Công ty đảm bảo khả năng tự chủ tài chính cho các chiến lược đầu tư mở rộng mạng lưới và phát triển dài hạn, giảm thiểu áp lực từ vốn vay bên ngoài.

d. Tình hình quản lý, sử dụng nguồn vốn và tài sản:

Trong năm 2025, công tác quản trị tài chính tiếp tục phát huy hiệu quả khi Công ty tối ưu hóa được vòng quay vốn và kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu, hàng tồn kho. Việc sử dụng

linh hoạt đòn bẩy tài chính kết hợp với quản lý chi phí tốt đã giúp hiệu quả sinh lời bứt phá mạnh mẽ, với tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (ROA) đạt 7,25% và tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE) đạt 14,4%, vượt xa mức thực hiện năm 2024. Bên cạnh hiệu quả kinh doanh vượt trội, Công ty luôn thực hiện đầy đủ và đúng hạn các nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước, đảm bảo hài hòa lợi ích giữa Cổ đông, Doanh nghiệp và Xã hội.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Đào tạo, bổ sung đội ngũ cán bộ về chuyên môn nghiệp vụ, nâng cao trình độ quản lý, kiến thức đáp ứng nhu cầu sản xuất - kinh doanh. Quản lý và sử dụng lao động linh hoạt, hợp lý trên cơ sở khối lượng công việc hiện có. Thay đổi hợp lý chế độ trả lương để nó thực sự trở thành công cụ khuyến khích người lao động trong công việc, gắn bó xây dựng Công ty ngày càng phát triển.

- Tăng cường công tác kiểm tra và kỷ luật lao động nhằm thúc đẩy sản xuất phát triển, nâng cao tinh thần ý thức trách nhiệm của cán bộ. Tăng cường các biện pháp để nâng cao chất lượng công tác bảo vệ, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn trong Công ty.

4. Kế hoạch phát triển trong năm 2026:

- Tổng doanh thu: 363.550 triệu đồng trong đó:
- Sản lượng nước ghi thu: 27.920 ngàn m³;
- Lợi nhuận trước thuế: 34.800 triệu đồng.
- Phần đầu kéo giảm và duy trì tỷ lệ thất thoát nước toàn Công ty trong năm 2026 ở mức $\leq 7\%$.
- Nâng cao năng lực quản lý và vận hành các DMA, tăng cường giám sát, phát hiện sớm và xử lý kịp thời các điểm rò rỉ, bể ngầm trên toàn mạng lưới cấp nước.
- Từng bước kiểm soát và giảm thất thoát nước qua hệ thống đo đếm, đặc biệt là đồng hồ tổng, đồng hồ khu vực và đồng hồ khách hàng, nhằm nâng cao độ chính xác trong công tác ghi thu và quản lý sản lượng.

Tiếp tục đầu tư mở rộng hệ thống mạng lưới cấp nước của Công ty ra các khu vực khan hiếm nguồn nước sạch theo lộ trình đã cam kết trong thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước với chính quyền địa phương và vùng lân cận

5. Giải trình của Ban Tổng giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: ((không có).

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Cty: (không có)

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

1.1. Thuận lợi

- Sự hỗ trợ, chỉ đạo của Lãnh đạo tỉnh, Sở ban ngành và chính quyền địa phương các cấp trong việc tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh và mở rộng mạng lưới cấp nước của Công ty.

- Tình hình hoạt động sản xuất tại các nhà máy ổn định, đảm bảo cung cấp nước đạt lưu lượng, áp lực và chất lượng nước theo Quy chuẩn của Bộ Y tế và Quy chuẩn địa phương đảm bảo việc cung cấp nước cho khách hàng.

- Chất lượng dịch vụ và chăm sóc khách hàng ngày càng được nâng cao.

- Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số vào các hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị doanh nghiệp, đảm bảo an toàn an ninh mạng, nâng cao năng suất làm việc, tiết kiệm nguồn tài nguyên.

1.2. Khó khăn

- Tình trạng thiếu nguồn cung cấp nước do ảnh hưởng việc biến đổi khí hậu khiến nước ngầm bị suy thoái, nước mặt thường xuyên biến động.

- Vào mùa khô, nắng nóng kéo dài, Công ty chưa đáp ứng đủ nhu cầu sử dụng nước của khách hàng.

- Chi phí đầu vào tăng cao do giá nguyên vật liệu, điện năng, hóa chất tăng. Đồng thời, tăng lượng hóa chất sử dụng để xử lý do chất lượng nguồn nước thô biến động theo mùa làm phát sinh chi phí sản xuất nước sạch.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban điều hành Công ty:

Chủ tịch HĐQT cùng các thành viên khác trong HĐQT thường xuyên giám sát, theo dõi việc điều hành và tổ chức thực hiện nhiệm vụ của Ban điều hành, nhằm đảm bảo hoạt động của Công ty diễn ra ổn định, an toàn, tuân thủ đúng quy định pháp luật, đồng thời đáp ứng các yêu cầu về sản xuất - kinh doanh và tài chính.

Trên cơ sở Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các nghị quyết, chủ trương của Hội đồng quản trị, tổng giám đốc tổ chức thực hiện đảm bảo bám sát kế hoạch đã được thông qua Đại hội cổ đông, và quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo xin ý kiến những vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

Chủ tịch Hội đồng quản trị thường xuyên giám sát và theo dõi sát sao công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh do Ban điều hành thực hiện. Bên cạnh đó, Chủ tịch HĐQT cũng phối hợp chặt chẽ với Ban Kiểm soát Công ty để đảm bảo việc tuân thủ đầy đủ các quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty cũng như các quy định pháp luật hiện hành khác. Đồng thời, Chủ tịch HĐQT cũng đảm bảo việc thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh trong năm 2025.

Ban điều hành họp giao ban 1 lần/tháng và đột xuất để triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh kịp thời và hiệu quả

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị trong năm 2026:

* Công việc chính cần thực hiện:

- Tổng doanh thu: 363.550 triệu đồng trong đó:

- Sản lượng nước ghi thu: 27.920 ngàn m³;

- Lợi nhuận trước thuế: 34.800 triệu đồng.

- Giám sát công tác bảo vệ môi trường tại các nhà máy sản xuất đảm bảo thực hiện theo quy định.

- Giảm tỷ lệ thất thoát nước của Công ty $\leq 7\%$

- Cải tạo, nâng công suất các nhà máy cấp nước hiện hữu nhằm đảm bảo nguồn nước tự sản xuất của Công ty, bao gồm:

+ Tiếp nhận nguồn nước Sông Tiền từ dự án: Trạm bơm nước thô Nhà máy nước Đồng Tâm và hệ thống tuyến ống truyền tải.

- + Tăng cường khai thác nước mặt hồ Bảo Định đạt công suất 20.000m³/ngày đêm.
- Tập trung đầu tư hệ thống mạng lưới tuyến ống truyền tải dọc các trục đường chính theo ranh vùng phục vụ cấp nước của Công ty
- Giảm tỷ lệ thất thoát nước của Công ty $\leq 7\%$
- Phát triển hệ thống mạng lưới cấp nước dịch vụ theo nhu cầu sử dụng nước của khu vực

Tiếp tục đầu tư mở rộng hệ thống mạng lưới cấp nước của Công ty ra các khu vực khan hiếm nguồn nước sạch theo lộ trình đã cam kết trong thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước với chính quyền địa phương và vùng lân cận.

4. Báo cáo tình hình quản trị Công ty năm 2025: (đính kèm phụ lục số III)

V. Quản trị Công ty:

1. Hội đồng quản trị:

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Danh sách thành viên HĐQT

STT	Họ tên	Chức danh	Ghi chú
1	Ông Nguyễn Bảo Tùng	Chủ tịch HĐQT – Người đại diện theo pháp luật	Thành viên điều hành
2	Trương Ngọc Thùy Trang	Thành viên HĐQT - Tổng giám đốc	Thành viên điều hành
3	Lưu Văn Cần	Thành viên HĐQT - Phó Tổng giám đốc	Thành viên điều hành
4	Mai Song Hào	Thành viên HĐQT	Thành viên không điều hành
5	Trần Tấn Lợi	Thành viên HĐQT	Thành viên không điều hành

Sơ yếu lý lịch thành viên Hội đồng quản trị

- Chủ tịch Hội đồng quản trị

Họ và tên: Nguyễn Bảo Tùng

Ngày tháng năm sinh: 14/05/1977

Giới tính: Nam

Số CCCD: 080077008895 ngày cấp 24/7/2022 - nơi cấp Cục CSQLHC về TTXH

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Quê quán: Bến Lức, Long An.

Địa chỉ thường trú: Ấp 5 Xã Lương Bình, Bến Lức, Long An.

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ - Kỹ sư kỹ thuật môi trường

Chức vụ hiện nay tại công ty: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Bí thư Đảng bộ cơ sở

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2001 – 2007	Công ty cấp nước Long An	Nhân viên
2007 – 2011	Công ty TNHH MTV cấp nước Long An	Phó Trưởng phòng Kỹ thuật – Vật tư
2011 – 2013	Công ty TNHH MTV cấp nước Long An	Trưởng phòng Hợp tác – Đầu tư
2013 đến 6/2016	Công ty cổ phần Cấp thoát nước Long An	Thành viên HĐQT, Trưởng phòng Hợp tác – Đầu tư
2015 đến 2023	Công ty cổ phần Cấp thoát nước Long An	Phó Bí thư Đảng bộ cơ sở
7/2016 đến tháng 10/2022	Công ty cổ phần Cấp thoát nước Long An	Thành viên HĐQT – Phó Tổng giám đốc
Từ tháng 11/2022 đến 30/8/2023	Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An	Thành viên HĐQT- Tổng giám đốc
Từ 30/8/2023 đến nay	Công ty cổ phần cấp thoát nước Long An	Chủ tịch HĐQT- người đại diện theo pháp luật- Bí thư Đảng bộ cơ sở

Số lượng cổ phần nắm giữ: 1.100 cổ phần, chiếm 0,01% VDL

+ Sở hữu cá nhân: 1.100 cổ phần, chiếm 0,009% VDL

+ Đại diện sở hữu của UBND Tỉnh Long An: 4.636.000 cổ phần, chiếm 38% VDL.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần của những người liên quan:

Họ tên	Quan hệ	Số lượng CP	Tỷ lệ/Vốn điều lệ
Lê Ngọc Lan Thảo	Vợ	300	0,002 %

- Thành viên Hội đồng quản trị

Họ và tên: Lưu Văn Cần

Ngày tháng năm sinh: 20/8/1979

Giới tính: Nam

Số CCCD: 080079018157 ngày cấp 22/11/2021 - nơi cấp Cục CSQLHC về TTXH

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Quê quán: Tân Trụ, Long An.

Địa chỉ thường trú: 333 Ấp 2, xã Bình Tâm, TPTA, Long An.

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kỹ thuật môi trường

Chức vụ hiện nay tại công ty: Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc.

Đảng ủy viên

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
T10/2005 – T 04/2013	Công ty cấp nước Long An	Nhân viên
T05/2013- T9/2013	Công ty TNHH MTV cấp nước Long An	Phó trưởng Phòng Kỹ thuật – Vật tư
T10/2013- T10/2022	Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An	Phó trưởng Phòng Kỹ thuật – Vật tư
T11/2022 đến nay	Công ty cổ phần Cấp thoát nước Long An	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc
2015 đến nay	Công ty cổ phần Cấp thoát nước Long An	Đảng ủy viên Đảng bộ cơ sở

Số lượng cổ phần nắm giữ: 700 cổ phần, chiếm 0,01% VDL

+ Sở hữu cá nhân: 700 cổ phần, chiếm 0,006% VDL

- Thành viên Hội đồng quản trị

Họ và tên: Trương Ngọc Thùy Trang

Ngày tháng năm sinh: 14/11/1990

Giới tính: Nữ

Số CCCD: 079190003557 ngày cấp 12/10/2022 - nơi cấp Cục CSĐKQG về dân cư

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Địa chỉ thường trú: 25 Trần Triệu Luật, P7, Quận Tân Bình, TP HCM.

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ, Kỹ sư môi trường

Chức vụ hiện nay tại công ty: Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc.

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Tháng 5- T8/2016	Viện nghiên cứu Fraunhofer về Kinh tế năng lượng và công nghệ Hệ thống năng lượng (IEE), Kassel, Đức	Thực tập sinh
T02/2017- T12/2019	Công ty tư vấn đa quốc gia ENEA Consulting Pty Ltd, Melbourne, Úc	Chuyên viên tư vấn
T03/2020- T7/2020	Ban QKDA EPC, Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng Điện 2	Phó trưởng Phòng Kỹ thuật
T7/2020- T4/20212	Ban QKDA EPC, Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng Điện 2	Trưởng phòng Kỹ thuật
T05/2021- T8/2023	Ban QLDA EPC, Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng Điện 2	Phó Giám đốc
Từ 28/6/2021 – 8/2023	Công ty cổ phần Năng lượng Sinh khối Hậu Giang	Tổng giám đốc – Người đại diện pháp luật (kiêm nhiệm)
Từ 9/2023- nay	Công ty cổ phần Cấp thoát nước Long An	Thành viên HĐQT, kiêm PTGD
Từ 25/4/2024-nay	Công ty cổ phần Cấp thoát nước Long An	Thành viên HĐQT, kiêm TGD

Số lượng cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0% VDL

+ Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% VDL

+ Đại diện sở hữu của UBND Tỉnh Long An: 2.684.000.000 cổ phần, chiếm 22% VDL.

- Thành viên Hội đồng quản trị

Họ và tên: Mai Song Hào

Ngày tháng năm sinh: 25/10/1981

Giới tính: Nam

Số CCCD: 070081004589 ngày cấp 11/8/2022 - nơi cấp Cục CSQLHC về TTXH

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Quê quán: Thanh Hóa

Địa chỉ thường trú: 67^E/73 khu phố Bình Đường 4, Phường An Bình, Thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn:

- + Trung cấp cấp thoát nước;
- + Kỹ sư Kỹ thuật Môi trường.

Chức vụ hiện nay tại công ty: Thành viên HĐQT,

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

- Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Nước - Môi trường Bình Dương
- Thành viên HĐQT Công ty cổ phần cấp nước cần thơ 2
- Thành viên HĐQT Công ty cổ phần cấp nước gia tân
- Thành viên HĐQT Công ty cổ phần công trình đô thị thủ thừa
- Thành viên HĐQT Công ty cổ phần cấp nước quảng bình
- Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần biwase quảng bình
- Thành viên ban kiểm soát Công ty cổ phần cấp thoát nước cần thơ

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2004-2013	Trưởng chi nhánh Thuận An- Chi nhánh Cấp nước Thủ Dầu Một – Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương	Trưởng phòng Kinh doanh
T11/2013- T5/2017	Chi nhánh Cấp nước khu Liên Hợp- Công ty cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương	Phó Giám đốc
T6/2017- 5/2018	Chi nhánh Cấp nước Thuận An - Công ty cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương	Giám đốc
T6/2018- T03/2022	Chi nhánh Cấp nước Dĩ An - Công ty cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương	Giám đốc
T3/2022- T2/2023	Công ty cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương	Phó tổng giám đốc Công ty kiêm Giám đốc chi nhánh Cấp nước Dĩ An
T2/2023- Nay	Công ty cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương	Phó Tổng giám đốc
26/4/2023 đến nay	Công ty cổ phần Cấp thoát nước Long An	Thành viên HĐQT

Số lượng cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0% VDL

+ Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% VDL

- Thành viên Hội đồng quản trị

Họ và tên: Trần Tấn Lợi

Ngày tháng năm sinh: 01/01/1978

Giới tính: Nam

Số CCCD: 080078003704 ngày cấp 26/4/2021 - nơi cấp Cục CSQLHC về TTXH

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Quê quán: Tiền Giang

Địa chỉ thường trú: số 06 đường số 01, KDC Phường 3, Phường 3, TP Tân An, tỉnh Long An

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn:

+ Kỹ sư điện Công nghiệp;

+ Thạc sĩ Cấp thoát nước.

Chức vụ hiện nay tại công ty: Thành viên HĐQT,

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

- Thành viên HĐQT - Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng nước Biwase

– Long An

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
T01/2001- T12/2004	Công ty cổ phần Cơ khí Long An	Nhân viên
T12/2004- T5/2019	Xí nghiệp CN Gò Đen thuộc Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An	Giám đốc
T5/2019- 10/2021	Công ty cổ phần Đầu tư Hạ tầng nước DNP – Long An	Quản đốc
T10/2021- T2/2023	Công ty cổ phần Đầu tư Hạ tầng nước DNP- Long An	Giám đốc
T2/2023 – Nay	Công ty cổ phần Đầu tư Hạ tầng Nước Biwase – Long An	Phó TGĐ
26/4/2023 đến nay	Công ty cổ phần Cấp thoát nước Long An	Thành viên HĐQT

Số lượng cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0% VDL

+ Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% VDL

b. Các tiêu bản thuộc Hội đồng quản trị: không có

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
01	07/NQCN-HĐQT	21/01/2025	Nghị quyết về việc thống nhất thông qua bổ nhiệm bà Trương Thị Lệ Khanh thụ ký HĐQT kiêm nhiệm người phụ trách quản trị Công ty	5/5
02	08/NQCN-HĐQT	14/3/2025	Thống nhất thông qua kết quả sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và phân phối lợi nhuận năm 2024 và kế hoạch SXKD và ĐTXD cơ bản năm 2025 và thời gian tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2025	5/5
03	10/NQCN-HĐQT	29/4/2025	Thống nhất phương án sắp xếp, kiện toàn một số bộ phận trực thuộc	5/5
04	14/NQCN-HĐQT	27/6/2025	Thống nhất lựa chọn đơn vị kiểm toán (soát xét báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2025 và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025) của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An là: Công ty TNHH kiểm toán VACO.	5/5
05	17/NQCN-HĐQT	12/9/2025	Thống nhất thông qua: <ul style="list-style-type: none"> - Kết quả SXKD và ĐTXDCB 6 tháng đầu năm và kế hoạch thực hiện 6 tháng cuối năm 2025; - Thống nhất theo đề nghị mua 02 phương tiện phục vụ công việc của Công ty; - Thống nhất giao Chủ tịch HĐQT/ Người đại diện theo pháp luật: + Phân công nhiệm vụ Ban TGD, + Điều tiết kế hoạch sử dụng các nguồn vốn dôi ra do điều tiết được từ công tác lựa chọn nhà thầu theo luật định, để đầu tư công trình mang tính cấp bách phục vụ SXKD, các công trình theo quy định kiểm soát quan trắc khai thác và bảo vệ môi trường.	5/5
06	18/NQCN-HĐQT	28/11/2025	Thống nhất tiếp nhận hệ thống mạng lưới cấp nước và khách hàng của Công ty	5/5

			TNHH MTV Thương mại và Xây dựng Hoàng Long tại khu vực xã Long Cang và Mỹ Lệ, tỉnh Tây Ninh và mua lại tài sản là tuyến ống HDPE D160 (L=1.150m) đường kính 833B, ĐT8 do Công ty Hoàng Long đã đầu tư.	
--	--	--	--	--

d. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành:

- Thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm thuộc lĩnh vực được phân công. Làm việc có tinh thần trách nhiệm, gương mẫu trong công tác lãnh đạo và quản lý điều hành thuộc lĩnh vực được phân công.

e. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: không có

f. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty:

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị Công ty trong năm:

Năm 2025: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc, đã tham gia lớp Quản trị Công ty do Viện phát triển nguồn nhân lực và kinh doanh (HUREDIN) tổ chức.

2. Ban Kiểm soát:

a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

STT	Họ tên	Chức danh	Ghi chú
1	Cao Duy Thanh	Trưởng BKS	
2	Trương Thị Lệ Khanh	Thành viên BKS	
3	Nguyễn Đình Tuấn	Thành viên BKS	

Sơ yếu lý lịch thành viên Ban kiểm soát

- **Trưởng Ban Kiểm soát**

- Họ và tên: Cao Duy Thanh

- Giới tính: Nam

- Ngày tháng năm sinh: 14/9/1984

- Nơi sinh: BV Từ Dũ – Tp HCM

- Số CCCD: 080084018275 Ngày cấp: 15/8/2022 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

- Quốc tịch: Việt Nam

- Dân tộc: Kinh

- Địa chỉ thường trú: 92/1D Nguyễn Cửu Vân, phường Long An, tỉnh Tây Ninh.

- Số điện thoại: 0908128028

- Địa chỉ email: duythanh999@gmail.com

- Trình độ văn hoá: 12/12
 - Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật, Cử nhân QTKD, Cử nhân CNTT.
 - Chức vụ hiện nay tại công ty: Trưởng Ban kiểm soát
 - Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không có
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần của những người liên quan: không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2007-2008	Công ty TNHH EMSVN-TPHCM	Nhân viên
2008-8/2010	Công ty cổ phần Đầu tư phát triển công nghiệp và vận tải (TRACODI)	Nhân viên
9/2010-3/2018	Công ty cổ phần Cấp thoát nước Long An	Nhân viên
4/2018-6/2019	Công ty cổ phần Cấp thoát nước Long An	Phó trưởng phòng Tổ chức – Hành chính
7/2019-10/2023	Công ty cổ phần Cấp thoát nước Long An	TP Tổ chức – Hành chính
11/2023- nay	Công ty cổ phần Cấp thoát nước Long An	Trưởng BKS kiêm trưởng phòng TC-HC

- Số lượng cổ phần nắm giữ: 5100 cổ phần, chiếm 0,04% VDL
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần của những người liên quan: không
- **Thành viên Ban Kiểm Soát**
 - Họ và tên: Trương Thị Lệ Khanh
 - Ngày tháng năm sinh: 19/10/1974
 - Giới tính: Nữ
 - CCCD: 024174002819 ngày cấp 26/04/2021 – Cục QLHCTTXH
 - Dân tộc: Kinh
 - Quốc tịch: Việt Nam
 - Quê quán: Bắc Ninh
 - Địa chỉ thường trú: 32B Lê Thị Điền, Phường Long An, tỉnh Tây Ninh.
 - Số điện thoại liên lạc: 0272.3825.114
 - Trình độ văn hoá: 12/12
 - Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán
 - Chức vụ hiện nay tại công ty: Thành viên Ban Kiểm soát
 - Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không có
 - Số lượng cổ phần nắm giữ: 1.800 cổ phần

Tỷ lệ sở hữu cổ phần của những người liên quan: không
 - Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2007-2013	Công ty TNHH MTV Cấp nước Long An	Nhân viên
2013- 2018	Công ty cổ phần Cấp thoát nước Long An	Nhân viên
2018 đến nay	Công ty cổ phần Cấp thoát nước Long An	Thành viên ban kiểm soát

- Thành viên Ban Kiểm Soát

- Họ và tên: Nguyễn Đình Tuấn
- Ngày tháng năm sinh: 18/12/1980
- Giới tính: Nam
- Số CCCD: 038080026864 ngày cấp 12/8/2021 –Nơi cấp Cục CSQLHC& TTXH.
- Dân tộc: Kinh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Quê quán: Thanh Hóa
- Địa chỉ thường trú: 46/6 khu phố 3, Phường Phú Lợi, Thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Cấp thoát nước
- Chức vụ hiện nay tại công ty: Thành viên Ban Kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần nước Biwase - Long An
- Số lượng cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần của những người liên quan: không
 Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
T1/2001- T3/2021	Chi nhánh Cấp nước Thủ Dầu Một - Công ty cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương	Phó phòng Kinh doanh- TP chống thất thoát
T3/2021- T2/2023	Chi nhánh cấp nước Bầu Bàng - Công ty cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương	Phó giám đốc chi nhánh
T2/2023 đến nay	Công ty cổ phần nước Biwase – Long An	Phó tổng giám đốc

b. Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Trưởng Ban kiểm soát thực hiện giám sát thường xuyên mọi hoạt động của HĐQT, Ban Điều hành. Giám sát việc thực hiện Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị Công ty, giám sát quá

trình chuẩn bị Đại hội cổ đông thường niên năm 2025, giám sát việc thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị ban hành, thực hiện việc công bố thông tin theo quy định.

- Giám sát việc ghi sổ sách chứng từ kế toán trong Công ty; xem xét các chỉ số tài chính trong báo cáo tài chính đã công bố.

- Xem các hồ sơ, sổ sách có liên quan trong hoạt động của Công ty theo đúng thẩm quyền của Ban kiểm soát, Trưởng Ban kiểm soát. Theo dõi việc thực hiện kế hoạch sản xuất - kinh doanh trong năm 2025 của Ban điều hành.

- Tham gia các cuộc họp HĐQT, họp giao ban, họp triển khai những công việc quan trọng

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.

a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích thành viên HĐQT, BKS:

Đơn vị tính: đồng

STT	Họ và tên	Chức vụ tại Công ty	Tổng lương, thưởng thù lao năm 2025	Ghi chú
01	Nguyễn Bảo Tùng	Chủ tịch HĐQT	1.024.678.879	Điều hành
02	Trương Ngọc Thùy Trang	Thành viên HĐQT – Tổng giám đốc	875.701.970	Điều hành
03	Lưu Văn Cần	Thành viên HĐQT – Phó Tổng giám đốc	836.794.053	Điều hành
04	Mai Song Hào	Thành viên HĐQT	36.000.000	Không điều hành
05	Trần Tấn Lợi	Thành viên HĐQT	36.000.000	Không điều hành
06	Cao Duy Thanh	Trưởng BKS	800.894.053	
07	Nguyễn Đình Tuấn	Thành viên BKS	24.000.000	
08	Trương Thị Lệ Khanh	Thành viên BKS	322.422.608	

b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: (không có)

c. Hợp đồng giao dịch với cổ đông nội bộ: (không có)

d. Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty: Thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về quản trị Công ty

Kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị Công ty: Hội đồng quản trị và ban điều hành Công ty nhận thức rõ tầm quan trọng của việc quản trị Công ty và từng bước áp dụng các thông lệ quản trị tốt vào công tác quản trị Công ty trong tương lai. Trong ngắn hạn, Công ty sẽ tập trung nâng cao năng lực quản trị của các cán bộ quản lý thông qua việc cử đi học

lớp học về quản trị Công ty do Trung tâm đào tạo chứng khoán của Ủy ban chứng khoán Nhà nước tổ chức.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán:

Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán: (File đính kèm)

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN
THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**



Nguyễn Bảo Tùng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LONG AN
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 – 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 – 29

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Bảo Tùng	Chủ tịch
Bà Trương Ngọc Thủy Trang	Thành viên
Ông Mai Song Hào	Thành viên
Ông Trần Tấn Lợi	Thành viên
Ông Lưu Văn Cần	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Bà Trương Ngọc Thủy Trang	Tổng Giám đốc
Ông Lưu Văn Cần	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Ông Cao Duy Thanh	Trưởng ban kiểm soát
Bà Trương Thị Lệ Khanh	Thành viên
Ông Nguyễn Đình Tuấn	Thành viên

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Bảo Tùng - Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Theo ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Bảo Tùng
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Tây Ninh, ngày 29 tháng 01 năm 2026

SỐ: 004/VACO/BCKT.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 29 tháng 01 năm 2026, từ trang 04 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là "Báo cáo tài chính").

Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Ngọc Thạch
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 1822-2023-156-1
Thay mặt và đại diện cho
CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 01 năm 2026


Lê Bình Phương
Kiểm toán viên
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 5914-2023-156-1

VACO Hà Nội

Tầng 12A, tòa nhà TCT 319, số 63 Lê Văn Lương
Phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội
Tel: (84-24) 3577 0781 - Fax: (84-24) 3577 0787

VACO Hồ Chí Minh

Lầu 10, tòa nhà HUD, 159 Điện Biên Phủ
Phường Gia Định, thành phố Hồ Chí Minh
Tel: (84-28) 3840 8818 - Fax: (84-28) 3840 8816

VACO Đồng Nai

Số 79 Hà Huy Giáp
Phường Trảng Bàng, tỉnh Đồng Nai
Tel: (84-251) 392 8560 - Fax: (84-251) 392 8560

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		64.625.217.430	37.819.942.430
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	19.946.984.886	5.409.452.221
1. Tiền	111		19.946.984.886	5.055.494.883
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	353.957.338
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	888.123.138
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	888.123.138
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		19.330.434.906	13.088.413.825
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	14.999.395.254	10.557.167.157
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	2.658.607.907	1.442.231.823
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	1.730.898.568	1.147.481.668
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(58.466.823)	(58.466.823)
IV. Hàng tồn kho	140		19.543.411.392	15.701.773.864
1. Hàng tồn kho	141	8	25.162.757.194	18.743.360.249
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	8	(5.619.345.802)	(3.041.586.385)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.804.386.246	2.732.179.382
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		5.804.386.246	2.725.651.382
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	9	-	6.528.000
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		346.764.803.198	304.458.703.643
I. Tài sản cố định	220		316.072.596.456	303.154.386.760
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	313.793.905.391	300.842.695.738
- Nguyên giá	222		746.190.859.253	698.756.302.592
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(432.396.953.862)	(397.913.606.854)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	2.278.691.065	2.311.691.022
- Nguyên giá	228		2.896.286.455	2.896.286.455
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(617.595.390)	(584.595.433)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		16.608.773.395	330.784.389
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	16.608.773.395	330.784.389
III. Tài sản dài hạn khác	260		14.083.433.347	973.532.494
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	14.083.433.347	973.532.494
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		411.390.020.628	342.278.646.073

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		204.348.467.519	155.240.189.562
I. Nợ ngắn hạn	310		130.422.618.701	84.231.141.494
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	81.814.199.511	46.042.243.461
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.716.280.100	880.589.566
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	9	1.482.677.446	1.911.364.458
4. Phải trả người lao động	314		7.663.066.107	4.562.979.903
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	829.356.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	15	18.933.905.032	13.662.571.551
7. Vay và nợ ngắn hạn	320	16	14.175.000.000	13.329.000.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4.637.490.505	3.013.036.555
II. Nợ dài hạn	330		73.925.848.818	71.009.048.068
1. Phải trả dài hạn khác	337	15	11.256.344.980	12.300.544.230
2. Vay và nợ dài hạn	338	16	62.669.503.838	58.708.503.838
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		207.041.553.109	187.038.456.511
I. Vốn chủ sở hữu	410	17	207.041.553.109	187.038.456.511
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		122.000.000.000	122.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		122.000.000.000	122.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		85.041.553.109	65.038.456.511
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		411.390.020.628	342.278.646.073



Nguyễn Bảo Tùng
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Tây Ninh, ngày 29 tháng 01 năm 2026

Nguyễn Quốc Phong
Kế toán trưởng

Trịnh Huỳnh Thủy Tiên
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		358.177.884.663	325.379.262.414
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01)	10	19	358.177.884.663	325.379.262.414
3. Giá vốn hàng bán	11	20	246.886.944.171	242.654.419.744
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		111.290.940.492	82.724.842.670
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21		69.139.104	40.605.636
6. Chi phí tài chính	22	22	3.708.086.041	3.855.705.032
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.708.086.041	3.855.705.032
7. Chi phí bán hàng	25	23	50.802.236.869	33.757.367.144
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	23.637.226.996	21.921.582.568
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	30		33.212.529.690	23.230.793.562
10. Thu nhập khác	31		869.048.943	1.112.953.193
11. Chi phí khác	32		858.431.225	1.075.660.979
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		10.617.718	37.292.214
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		33.223.147.408	23.268.085.776
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	24	3.386.161.080	3.013.394.897
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		29.836.986.328	20.254.690.879
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	2.080	1.413

Nguyễn Bảo Tùng
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Tây Ninh, ngày 29 tháng 01 năm 2026

Nguyễn Quốc Phong
Kế toán trưởng

Trịnh Huỳnh Thủy Tiên
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	33.223.147.408	23.268.085.776
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	34.516.346.965	35.418.027.306
- Các khoản dự phòng	03	2.577.759.417	(2.643.383.176)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(69.139.104)	(29.628.143)
- Chi phí lãi vay	06	3.708.086.041	3.855.705.032
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	73.956.200.727	59.868.806.795
Vốn lưu động			
- Tăng/Giảm các khoản phải thu	09	(9.314.227.945)	(849.644.580)
- Tăng/Giảm hàng tồn kho	10	(6.419.396.945)	583.942.541
- Tăng/Giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	39.410.475.207	(3.317.823.276)
- Tăng/Giảm chi phí trả trước	12	(13.109.900.853)	780.981.023
- Tiền lãi vay đã trả	13	(4.119.086.041)	(3.939.500.495)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(4.064.194.422)	(4.239.361.261)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(2.836.694.000)	(1.923.282.837)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	73.503.175.728	46.964.117.910
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(64.729.905.305)	(49.038.994.389)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(772.030.832)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	888.123.138	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	69.139.104	29.628.143
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(63.772.643.063)	(49.781.397.078)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	17.866.000.000	16.549.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(13.059.000.000)	(12.781.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	4.807.000.000	3.768.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	14.537.532.665	950.720.832
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5.409.452.221	4.458.731.389
Tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	19.946.984.886	5.409.452.221

Nguyễn Bảo Tùng
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Tây Ninh, ngày 29 tháng 01 năm 2026

Nguyễn Quốc Phong
Kế toán trưởng

Trịnh Huỳnh Thủy Tiên
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước – Công ty TNHH MTV Cấp nước Long An theo Quyết định số 1429/QĐ-UBND ngày 24 tháng 4 năm 2013 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Long An (Nay là tỉnh Tây Ninh). Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 1100101500 đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 7 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An (Nay là tỉnh Tây Ninh) cấp và Giấy Chứng nhận đăng ký thay đổi lần 07 ngày 05 tháng 9 năm 2023.

Vốn điều lệ của Công ty là: 122.000.000.000 VND.

Tổng số nhân viên Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 147 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 là 143 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Kiểm tra các chỉ tiêu hóa lý, vi sinh của nước;
- Tư vấn, thiết kế, lập dự toán các công trình lắp đặt hệ thống đường ống cung cấp nước, thoát nước;
- Kinh doanh nước uống đóng chai;
- Khai thác và cung cấp nước sạch (trên địa bàn thành phố Tân An và một số khu công nghiệp trong tỉnh); sản xuất nước uống đóng chai;
- Kinh doanh các loại vật tư – thiết bị cấp nước;
- Kiểm định, hiệu chuẩn, hiệu chỉnh đo, thử nghiệm phương tiện đo, (đồng hồ nước lạnh);
- Quản lý và lắp đặt hệ thống đường ống cấp thoát nước; thi công hệ thống cấp thoát nước;
- Bán điện cho điện lực (trừ truyền tải điều độ hệ thống điện quốc gia và quản lý điện phân phối, thủy điện đa mục tiêu, điện hạt nhân);
- Dịch vụ khoan giếng;
- Thu gom rác thải không độc hại;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Chế độ Kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư sửa đổi bổ sung số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC (“Thông tư 99”) hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 và áp dụng cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026. Thông tư này thay thế cho các Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung Điều 128 Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 99 đến các báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Chủ tịch Hội Đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư sửa đổi bổ sung số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Luật Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, trong đó bao gồm quy định về Đánh giá và Ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này; theo đó, Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

a) Công cụ tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành.

b) Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài mục a trên đây) Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy do đó Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06/11/2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn và các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm khấu hao
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc, thiết bị	05 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 45
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất lâu dài (không xác định thời hạn) được ghi nhận ban đầu theo giá mua.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Tài sản cố định vô hình khác

Tài sản cố định vô hình khác được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Công ty là chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn thực góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận của Công ty được thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, quy định của Quy chế quản lý tài chính của Công ty.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Theo Công văn số 759/CT-TTH ngày 14/4/2016 của Cục thuế tỉnh Long An, ngành nghề cấp thoát nước của Công ty đáp ứng các điều kiện để hưởng chính sách khuyến khích phát triển xã hội hóa, do đó thu nhập từ hoạt động trong lĩnh vực xã hội hóa của Công ty được ưu đãi về thuế suất thuế TNDN theo quy định của Thông tư số 123/2012/TT-BTC. Công ty được hưởng mức thuế suất ưu đãi 10% cho hoạt động trong lĩnh vực xã hội hóa trong suốt thời gian hoạt động, mức thuế suất này được Công ty áp dụng từ ngày 01/01/2016. Thu nhập từ các hoạt động khác của Công ty chịu mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Danh sách các Bên liên quan của Công ty:

Bên liên quan	Mối quan hệ
UBND tỉnh Long An	Cố đồng làm
Công ty CP - Tổng Công ty Nước - Môi trường Bình Dương	Cố đồng làm
Công ty Cổ phần Nước Bivase - Long An	Công ty con của Công ty CP - Tổng Công ty Nước - Môi trường Bình Dương
Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và Kế toán	Thành viên chủ chốt
Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	363.199.846	254.684.401
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	19.583.785.040	4.800.810.482
Các khoản tương đương tiền	-	353.957.338
Cộng	19.946.984.886	5.409.452.221

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<i>a) Phải thu bên liên quan</i>	-	6.588.000
Công ty Cổ phần Nước Biwase - Long An	-	6.588.000
<i>b) Phải thu đối tượng khác</i>	14.999.395.254	10.550.579.157
Khách hàng cung cấp nước	12.442.007.605	8.508.685.231
Chi nhánh Công ty Cổ phần Kiểm định Xây dựng An Hòa Tây Nam Bộ	737.108.887	1.484.869.618
Khách hàng khác	1.820.278.762	557.024.308
Cộng	14.999.395.254	10.557.167.157

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng và Môi trường Nam Bộ	993.639.583	-
Công ty TNHH Sản xuất và Xây dựng Nhân Việt	1.188.830.700	1.188.830.700
Các đối tượng khác	476.137.624	253.401.123
Cộng	2.658.607.907	1.442.231.823

7. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tạm ứng	847.620.000	-	769.259.000	-
Phải thu phí bảo vệ môi trường	284.353.463	-	230.870.217	-
Phải thu thuế thu nhập cá nhân của người lao động	597.643.158	-	145.855.465	-
Các khoản phải thu khác	1.281.947	-	1.496.986	-
Cộng	1.730.898.568	-	1.147.481.668	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

8. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng (l)	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	24.359.837.324	(5.619.345.802)	17.940.440.379	(3.041.586.385)
Chi phí SXKD dở dang	802.919.870	-	802.919.870	-
Cộng	25.162.757.194	(5.619.345.802)	18.743.360.249	(3.041.586.385)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Số đầu năm	3.041.586.385	5.684.969.561
Dự phòng bổ sung	3.701.675.810	-
Hoàn nhập dự phòng	(1.123.916.393)	(772.135.950)
Xử lý hàng tồn kho	-	(1.871.247.226)
Số cuối năm	5.619.345.802	3.041.586.385

Trong năm:

+ Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 3.701.675.810 VND (năm trước: 0 VND). Lý do dẫn đến trích lập dự phòng hàng tồn kho là nguyên vật liệu tồn đọng, dẫn đến mất phẩm chất.

+ Công ty đã hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 1.123.916.393 VND (năm trước: 2.643.383.176 VND) do đã xuất hàng tồn kho đã dự phòng ra sử dụng và thanh lý.

9. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	6.528.000	938.877.759	932.349.759	-
Cộng	6.528.000	938.877.759	932.349.759	-
	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
b) Phải nộp				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.506.607.544	3.386.161.080	4.064.194.422	828.574.202
Thuế thu nhập cá nhân	366.464.231	2.143.169.513	1.993.747.120	515.886.624
Thuế tài nguyên	38.292.683	2.501.384.710	2.401.460.773	138.216.620
Các loại thuế khác	-	402.696.495	402.696.495	-
Cộng	1.911.364.458	8.433.411.798	8.862.098.810	1.482.677.446

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị dụng cụ quản lý		Tổng cộng
	VND		VND		VND		VND		VND
NGUYÊN GIÁ									
Số đầu năm	214.133.701.101		36.776.734.876		443.794.524.943		4.051.341.672		698.756.302.592
- Mua sắm mới	-		125.000.000		688.559.963		-		813.559.963
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	4.091.212.877		-		42.529.783.821		-		46.620.996.698
Số cuối năm	218.224.913.978		36.901.734.876		487.012.868.727		4.051.341.672		746.190.859.253
GIÁ TRỊ HAO MÓN LŨY KẾ									
Số đầu năm	182.328.028.185		34.173.417.043		177.987.747.285		3.424.414.341		397.913.606.854
- Khấu hao trong năm	9.368.533.240		490.878.505		24.231.103.504		392.831.759		34.483.347.008
Số cuối năm	191.696.561.425		34.664.295.548		202.218.850.789		3.817.246.100		432.396.953.862
GIÁ TRỊ CÒN LẠI									
Số đầu năm	31.805.672.916		2.603.317.833		265.806.777.658		626.927.331		300.842.695.738
Số cuối năm	26.528.352.553		2.237.439.328		284.794.017.938		234.095.572		313.793.905.391

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình bao gồm các TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 với giá trị là 139.300.281.564 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025: 125.876.742.937 VND).

Một số tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc thiết bị và phương tiện vận tải truyền dẫn đã được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay (xem thuyết minh số 16) với nguyên giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 178.863.686.256 VND (ngày 01 tháng 01 năm 2025 là 135.521.171.999 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm	TSCĐ vô hình	Tổng cộng
	VND	máy tính VND	khác VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Số đầu năm	1.477.835.000	1.379.651.455	38.800.000	2.896.286.455
Số cuối năm	1.477.835.000	1.379.651.455	38.800.000	2.896.286.455
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số đầu năm	-	545.795.433	38.800.000	584.595.433
- Khấu hao trong năm	-	32.999.957	-	32.999.957
Số cuối năm	-	578.795.390	38.800.000	617.595.390
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Số đầu năm	1.477.835.000	833.856.022	-	2.311.691.022
Số cuối năm	1.477.835.000	800.856.065	-	2.278.691.065

Tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất lâu dài (không xác định thời hạn) do vậy Công ty không trích khấu hao tài sản cố định hàng năm.

Nguyên giá của TSCĐ bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 483.906.000 VND (ngày 01 tháng 01 năm 2025 là 483.906.000 VND).

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí Xây dựng cơ bản dở dang		
Công trình: Đường tỉnh 826 (KCN Cầu Trâm - Cao tốc Bến Lức - Long Thành)	3.730.561.502	-
Công trình: Thi công xây lắp hệ thống xử lý thu hồi nước rửa lọc nhà máy CN Tân An	9.829.426.411	-
Công trình: Thi công lắp đặt Van giám áp để kiểm tra thất thoát	1.613.485.000	-
Công trình: Bờ kè chống sạt lở bờ Bảo Định	-	265.296.000
Công trình: Tuyến ống D63 vòng xoay N.H.Trung ; Kp.Nhà Dài , Ấp 5, TL833	-	65.488.389
Công trình khác	1.435.300.482	-
Cộng	16.608.773.395	330.784.389

Tình hình biến động chi phí xây dựng cơ bản trong năm:

Số đầu năm	330.784.389
Tăng trong năm	73.648.288.950
Kết chuyển vào tài sản cố định trong năm	(46.620.996.698)
Kết chuyển vào chi phí trả trước dài hạn	(10.502.043.553)
Kết chuyển vào chi phí trong năm	(247.259.693)
Số cuối năm	16.608.773.395

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Là chi phí sửa chữa tài sản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<i>a) Phải trả bên liên quan</i>	<i>36.127.816.344</i>	<i>36.127.816.344</i>	<i>19.598.050.101</i>	<i>19.598.050.101</i>
Công ty Cổ phần Nước Biwase - Long An	36.127.816.344	36.127.816.344	19.598.050.101	19.598.050.101
<i>b) Phải trả đối tượng khác</i>	<i>45.686.383.167</i>	<i>45.686.383.167</i>	<i>26.444.193.360</i>	<i>26.444.193.360</i>
Công ty TNHH Thương mại N.T.P	16.974.127.800	16.974.127.800	6.102.905.820	6.102.905.820
Công ty TNHH MTV Thương mại Xây dựng điện Khánh Lộc	-	-	4.699.495.200	4.699.495.200
Phải trả người bán khác	28.712.255.367	28.712.255.367	15.641.792.340	15.641.792.340
Cộng	81.814.199.511	81.814.199.511	46.042.243.461	46.042.243.461

15. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<i>a) Ngắn hạn</i>	<i>18.933.905.032</i>	<i>13.662.571.551</i>
Bảo hiểm xã hội	-	8.954.008
Phải trả cổ tức cho các cổ đông	16.357.542.481	11.080.800.701
Nhận ký quỹ, ký cược	960.000.000	1.002.673.000
Phải trả phí bảo vệ môi trường	766.362.551	720.143.842
Phải trả UBND tỉnh Long An (Đại diện là Sở tài chính tỉnh Long An) - Bên liên quan - tiền bán giao tài sản cố định (i)	850.000.000	850.000.000
<i>b) Dài hạn</i>	<i>11.256.344.980</i>	<i>12.300.544.230</i>
Phải trả UBND tỉnh Long An (Đại diện là Sở tài chính tỉnh Long An) - Bên liên quan - tiền bán giao tài sản cố định (i)	10.454.262.000	11.304.262.000
Phải trả khác	802.082.980	996.282.230
Cộng	30.190.250.012	25.963.115.781

- (i) Đây là giá trị tài sản cố định: "Đường ống cấp nước xã Bình Đức - Thạnh Hòa - Thạnh Lợi, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An" theo Công văn số 1599/QĐ-UBND, với giá trị phải trả trong 20 năm là 12.154.262.000 VND, lịch trả nợ bắt đầu từ năm thứ 06 đến năm thứ 19 với giá trị 850.000.000 VND/năm và năm thứ 20 phải thanh toán 254.262.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

16. VAY

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giảm	Tăng	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>						
Ngân hàng Phát triển Việt Nam (i)	6.430.000.000	6.430.000.000	6.430.000.000	6.430.000.000	6.430.000.000	6.430.000.000
Quỹ Đầu tư và Phát triển tỉnh Long An (ii)	7.745.000.000	7.745.000.000	6.629.000.000	7.475.000.000	6.899.000.000	6.899.000.000
b) Vay dài hạn						
Ngân hàng Phát triển Việt Nam (i)	62.669.503.838	62.669.503.838	13.905.000.000	17.866.000.000	58.708.503.838	58.708.503.838
Quỹ Đầu tư và Phát triển Long An (ii)	12.888.076.838	12.888.076.838	6.430.000.000	-	19.318.076.838	19.318.076.838
Cộng	49.781.427.000	49.781.427.000	7.475.000.000	17.866.000.000	39.390.427.000	39.390.427.000
	76.844.503.838	76.844.503.838	26.964.000.000	31.771.000.000	72.037.503.838	72.037.503.838

(i) Khoản vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam theo hợp đồng vay số 01/TDNN.2004 ngày 22 tháng 3 năm 2004, mục đích vay để đầu tư dự án Nhà máy nước ngầm thị xã Tân An, thời hạn vay 25 năm, với lãi suất vay là 4,8%/năm. Đây là khoản vay tín dụng ODA của Đan Mạch. Khoản vay được thế chấp bằng tài sản bao gồm tài sản hình thành sau đầu tư và tài sản khác gắn liền với tài sản hình thành sau đầu tư.

(ii) Khoản vay Quỹ Đầu tư và Phát triển:

- Mục đích vay để đầu tư dự án: Di dời, nâng cấp tuyến cấp nước sạch D200 thành D400 đường tỉnh 818, đoạn từ KCN Long Hậu - Hòa Bình đến khu dân cư MT-LAND, thời hạn vay 10 năm, với lãi suất vay là 8,2%/năm. Khoản vay được thế chấp bằng tài sản bao gồm:

- + Quyền khai thác tài sản và toàn bộ giá trị tài sản hình thành trong tương lai sau đầu tư công trình dự án: Di dời, nâng cấp tuyến cấp nước sạch D200 thành D400 đường tỉnh 818, đoạn từ KCN Long Hậu - Hòa Bình đến khu dân cư MT-LAND.
- + Quyền khai thác tài sản và toàn bộ giá trị liên quan của Tuyến ống cấp nước sạch D160 - D225 đường Hương Lộ 25 (từ Tân Trụ đến đường Bàn Cáo).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

16. VAY (Tiếp theo)

(ii) Khoản vay Quỹ Đầu tư và Phát triển (Tiếp theo):

- Mục đích vay để đầu tư xây dựng công trình tuyến ống cấp nước HDPE đường tỉnh 833C và 833. Thời hạn vay 10 năm, với lãi suất vay là 6,3%/năm. Khoản vay được thế chấp bằng tài sản bao gồm:

+ Quyền khai thác tài sản và toàn bộ giá trị tài sản liên quan công trình Tuyến ống D110 CN cho 3 xã Bình Đức, Thạnh Hòa, Thạnh Lợi.

+ Quyền khai thác tài sản và toàn bộ giá trị tài sản liên quan công trình Cải tạo hệ thống mạng lưới TOCN thị trấn Tân Trụ và vùng lân cận huyện Tân Trụ.

+ Quyền khai thác tài sản và toàn bộ giá trị tài sản hình thành trong tương lai sau đầu tư công trình dự án: Tuyến ống cấp nước HDPE đường tỉnh 833C và 833 (đoạn từ ngã ba Quốc lộ 1 – Cai Tài đến cầu Bình Lăng, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An).

- Mục đích vay để đầu tư thực hiện xây dựng công trình lắp đặt tuyến ống cấp nước khu vực xã Bình Thạnh và vùng lân cận huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An. Thời hạn vay 10 năm, với lãi suất vay là 6,3%/năm. Khoản vay được thế chấp bằng tài sản bao gồm:

+ Quyền khai thác và toàn bộ tài sản Công trình đường Quốc Lộ 62 (Hai tuyến đường Nguyễn Thị Bảy đến cửa hàng Sáu Bánh), phường 6, xã Lợi Bình Nhơn, TP. Tân An, Long An (Hạng mục: Di dời và lắp đặt tuyến ống cấp nước HDPE D200, HDPE D63 chuyển tải và phân phối) theo hợp đồng tín dụng số 03/2022.HĐTC-QĐTPT ngày 29/07/2022 với giá trị tài sản đảm bảo là 1.360.558.818 VND.

+ Quyền khai thác và toàn bộ giá trị tài sản Công trình tuyến ống cấp nước khu vực xã Bình Thạnh và vùng lân cận huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An theo Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị hình thành trong tương lai số 04/2022.HĐTC-QĐTPT với giá trị tài sản đảm bảo là 4.014.316.763 VND.

- Mục đích vay để đầu tư thực hiện công trình tuyến ống cấp nước phân phối và dịch vụ cho các xã Thạnh Đức, Mỹ Yên, Phước Lợi, Tân Bửu và khu vực lân cận huyện Bến Lức, tỉnh Long An. Thời hạn vay 10 năm, với lãi suất vay là 6,3%/năm. Khoản vay được thế chấp bằng tài sản bao gồm:

+ Quyền khai thác tài sản và toàn bộ giá trị tài sản liên quan công trình Tuyến ống cấp nước sạch HDPE D225, D315 đường huyện 17 (đoạn từ Tỉnh lộ 833B đến UBND xã Long Sơn).

+ Quyền khai thác tài sản và toàn bộ giá trị tài sản liên quan công trình Tuyến ống cấp nước sạch HDPE D160, D110, D63 các đường hẻm khu vực phường 2, 3, 4, 5, 6, 7, xã Bình Tâm, TP. Tân An, tỉnh Long An.

+ Quyền khai thác tài sản và toàn bộ giá trị tài sản hình thành trong tương lai sau đầu tư công trình dự án: Tuyến ống cấp nước phân phối và dịch vụ cho khu vực huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

- Mục đích vay để đầu tư xây dựng công trình tuyến ống cấp nước sạch cấp cho người dân dọc theo tuyến đường tỉnh 818, đường cấp bờ kênh Thủ Thừa (Khu phố ấp Nhà Dải), thị trấn Thủ Thừa, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An. Thời hạn vay 10 năm, với lãi suất vay là 6,3%/năm. Khoản vay được thế chấp bằng tài sản bao gồm:

+ Quyền khai thác tài sản và toàn bộ giá trị tài sản liên quan công trình Khu tái định cư khu Hành chính tỉnh (Khu tái định cư Đồng Tâm), phường 6, TP. Tân An, tỉnh Long An.

+ Quyền khai thác tài sản và toàn bộ giá trị tài sản liên quan công trình Lắp đặt tuyến ống cấp nước HDPE D160 và D63 đường Mai Bá Hương.

+ Quyền khai thác tài sản và toàn bộ giá trị tài sản liên quan công trình Khu tái định cư số 01 phường Khánh Hân, TP. Tân An, tỉnh Long An.

+ Quyền khai thác tài sản và toàn bộ giá trị tài sản hình thành trong tương lai sau đầu tư công trình dự án: Tuyến ống cấp nước sạch cho người dân thị trấn Thủ Thừa, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

16. VAY (Tiếp theo)

- Mục đích vay để đầu tư xây dựng công trình tuyến ống cấp nước HDPE D250 đường kính 835 (đoạn từ ngã 3 Quốc lộ 1 đến đường Kênh Sáu Mết). Thời hạn vay 7 năm, với lãi suất vay là 6,3%/năm. Khoản vay được thế chấp bằng tài sản bao gồm:

+ Quyền khai thác tài sản và toàn bộ giá trị tài sản liên quan công trình Xây lắp tuyến ống cấp nước phân phối, dịch vụ cho Tp. Tân An năm 2021.

+ Quyền khai thác tài sản và toàn bộ giá trị tài sản liên quan công trình Lắp đặt Tê xả cặn trên mạng lưới cấp nước địa bàn Thành phố Tân An.

+ Quyền khai thác tài sản và toàn bộ giá trị tài sản liên quan công trình Lắp đặt tuyến ống phân phối nước sạch cho khu vực xã Nhị Thành, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

+ Quyền khai thác tài sản và toàn bộ giá trị tài sản hình thành trong tương lai sau đầu tư công trình dự án: Tuyến ống cấp nước HDPE D250 đường kính 835 (đoạn từ ngã 3 Quốc lộ 1 đến đường Kênh Sáu Mết).

- Mục đích vay để đầu tư xây dựng công trình hệ thống tuyến ống cấp nước sạch cho khu vực phường 5, xã Nhơn Trạch Trung, thành phố Tân An, tỉnh Long An. Thời hạn vay 7 năm, lãi suất 6,3%/năm. Khoản vay được đảm bảo bao gồm:

Hợp đồng thế chấp máy bơm thiết bị số 04/2023/HDTC-QDTPT ngày 08/09/2023:

+ Quyền khai thác và toàn bộ giá trị tài sản liên quan công trình đường Châu Thị Kinh (hai bên tuyến đoạn từ đường Nguyễn Đình Chiểu đến đường Huỳnh Văn Tạo, phường 3, TP. Tân An, tỉnh Long An, giá trị định giá là 1.130.163.568 VND.

+ Quyền khai thác và toàn bộ giá trị tài sản liên quan Công trình đường Trần Trung Tam (cư xá phường 3), phường 3, TP. Tân An, tỉnh Long An, với giá trị là 1.168.575.086 VND.

+ Quyền khai thác và toàn bộ giá trị tài sản liên quan Công trình đường Lê Anh Xuân, hẻm 40 đường Nguyễn Thái Bình, hẻm 46 đường Lê Anh Xuân, hẻm 81 đường Nguyễn Công Trung, phường 1, phường 3, TP. Tân An, Tỉnh Long An, giá trị là 926.830.232 VND.

+ Quyền khai thác và toàn bộ giá trị tài sản liên quan công trình đường Nguyễn Văn Cương (hai bên tuyến đoạn từ đường Quốc lộ 1 đến đường Phạm Văn Ngộ), đường Phạm Văn Ngộ (hai bên tuyến đường từ đường Nguyễn Văn Chương đến đường Trần Văn Đẩu), đường Quốc lộ 1 (bên trái tuyến đoạn từ số nhà 1111 đến cầu Tân Hương), phường Tân Khánh, Tp. Tân An, Tỉnh Long An, với giá trị 2.142.906.147 VND.

+ Quyền khai thác và toàn bộ giá trị tài sản liên quan công trình đường Đinh viết cừu GD4 (đoạn từ cổng Bình Tâm đến ranh ấp 1), xã Bình Tâm, TP. Tân An, tỉnh Long An, giá trị định giá là 889.685.088 VND.

Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị hình thành trong tương lai số 05/2023/HDTC-QDTPT:

+ Quyền khai thác và toàn bộ giá trị tài sản, công trình hệ thống tuyến ống cấp nước sạch cho khu vực phường 5 và xã Nhơn Trạch, Thành phố Tân An.

- Mục đích đầu tư xây dựng công trình tuyến ống cấp nước truyền tải HDPE D400, D315 đường kính 826 (đoạn từ ranh xã Tân Trạch - Long Hòa đến cổng khu công nghiệp Cầu Tràm, lãi suất 6,3%/năm, khoản vay được đảm bảo bao gồm:

+ Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 01/2024/HDTC-QDTPT ngày 24/01/2024

+ Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị hình thành trong tương lai số 02/2024/HDTC-QDTPT ngày 24/01/2024

+ Quyền khai thác và toàn bộ giá trị tài sản liên quan công trình: Lắp đặt hệ thống khai thác tài nguyên nước cho hệ thống khai thác nước dưới đất và khai thác nước mặt hệ Bảo Định

+ Quyền khai thác và toàn bộ giá trị tài sản liên quan công trình: Đường Thủ Khoa Huân và Hẻm 102 đường Thủ Khoa Huân, phường 1, TP Tân An, Tỉnh Long An

+ Quyền khai thác và toàn bộ giá trị tài sản liên quan công trình: Đường Trương Định, phường 1; Đường Võ Thị Kê; đường Lê Thị Khôi; đường Trang Văn Nguyên, phường 2, thành phố Tân An, Long An.

THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

16. VAY (Tiếp theo)

+ Tài sản hình thành trong tương lai là Quyền khai thác tài nguyên và toàn bộ giá trị tài sản là vật tư thiết bị hình thành trong tương lai sau đầu tư công trình: Tuyến ống cấp nước truyền tải HDPE D400, D315 đường tỉnh 826

- Mục đích đầu tư xây dựng công trình tuyến ống cấp nước truyền tải HDPE D400, D225 tuyến tránh Quốc lộ 1, lãi suất 6.3%/năm, khoản vay được đảm bảo bao gồm:

+ Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 010/2024/HĐTC-QĐTPT ngày 10/07/2024

+ Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị hình thành trong tương lai số 11/2024/HĐTC-QĐTPT ngày 10/07/2024

+ Quyền khai thác và toàn bộ giá trị tài sản liên quan công trình: Đường Hai Bà Trưng, đường Hùng Vương, Phường 3, TP Tân An, Tỉnh Long An

+ Quyền khai thác và toàn bộ giá trị tài sản liên quan công trình: Đường Nguyễn Đình Chiểu, phường 3, TP Tân An, Tỉnh Long An

+ Quyền khai thác và toàn bộ giá trị tài sản liên quan công trình: Đường Nguyễn Văn Tích bên trái tuyến, Xã An Vĩnh Ngãi, thành phố Tân An, Long An.

+ Quyền khai thác và toàn bộ giá trị tài sản liên quan công trình: Lắp đặt tuyến ống HDPE D160 và D63 đường Lộ Đình, Cao Thị Mai, lộ 9 Bột huyện Tân Trụ

+ Quyền khai thác và toàn bộ giá trị tài sản liên quan công trình: Tuyến ống cấp nước truyền tải HDPE D63, D110 cho các xã, thị trấn thuộc huyện Bến Lức, Tân Trụ, Thủ Thừa, Tỉnh Long An năm 2023

+ Tài sản hình thành trong tương lai là Quyền khai thác tài nguyên và toàn bộ giá trị tài sản là vật tư thiết bị hình thành trong tương lai sau đầu tư công trình: Tuyến ống cấp nước truyền tải HDPE D400, D225 đường tránh Quốc lộ 1.

- Mục đích đầu tư đầu tư thực hiện xây dựng dự án tuyến ống cấp nước DT835D (đoạn từ DT835C đến DT835) và DT830 (đoạn từ DT833B đến đường vào xóm Bà Vệ), lãi suất 5,8%/ năm, khoản vay này được đảm bảo gồm:

+ Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 10/2025/HĐTC-QĐTPT ngày 02/10/2025

+ Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị hình thành trong tương lai số 10/2025/HĐTCTSHTTTL-QĐTPT ngày 02/10/2025

+ Quyền khai thác và giá trị toàn bộ lợi ích hình thành trong tương lai từ việc khai thác công trình dự án: Tuyến ống cấp nước DT835D (đoạn từ DT835C đến DT835) và DT830 (đoạn từ DT833B đến đường vào xóm Bà Vệ) thuộc huyện Cần Đước, tỉnh Long An

+ Quyền khai thác và giá trị toàn bộ lợi ích từ việc khai thác công trình dự án: Tuyến ống cấp nước sạch HDPE

- Mục đích đầu tư thực hiện xây dựng dự án tuyến ống cấp nước đường Phước Vân - Long Hoà và đường Phước Vân - Long Khê, lãi suất 5,8%/ năm, khoản vay này được đảm bảo gồm:

+ Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 11/2025/HĐTC-QĐTPT ngày 02/10/2025

+ Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị hình thành trong tương lai số 11/2025/HĐTCTSHTTTL-QĐTPT ngày 02/10/2025

+ Quyền khai thác và giá trị toàn bộ lợi ích hình thành trong tương lai từ việc khai thác công trình tuyến ống cấp nước đường Phước Vân - Long Hoà và đường Phước Vân - Long Khê

+ Quyền khai thác và giá trị toàn bộ lợi ích từ việc khai thác công trình dự án tuyến ống cấp nước sạch HDPE D225, D110, D63, DT817 và đường Lê Văn Tường thuộc phường 5, xã Hướng Thọ Phú, TP Tân An, tỉnh Long An.

- Mục đích đầu tư thực hiện xây dựng dự án tuyến ống cấp nước đường tỉnh 830B và đường tỉnh 833B khu vực huyện Cần Đước, tỉnh Long An, lãi suất 5,8%/ năm, khoản vay này được đảm bảo gồm:

- Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 13/2025/HĐTC-QĐTPT ngày 02/10/2025

- Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị hình thành trong tương lai số 13/2025/HĐTCTSHTTTL-QĐTPT ngày 02/10/2025

- Quyền khai thác và giá trị toàn bộ lợi ích trong tương lai từ việc khai thác công trình tuyến ống cấp nước đường tỉnh 830B và đường tỉnh 833B khu vực huyện Cần Đước, tỉnh Long An

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

16. VAY (Tiếp theo)

- Quyền khai thác và giá trị toàn bộ lợi ích từ việc khai thác công trình trạm bơm cấp nước tăng áp Bà Kiếng, công suất 150m³/h và tuyến cấp nước HDPE D315 đường kính 833

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải trả trong một năm	14.175.000.000	13.329.000.000
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	54.114.503.838	54.119.076.838
Sau năm năm	8.555.000.000	4.589.427.000
Cộng	76.844.503.838	72.037.503.838
Trừ: số phải trả trong vòng 01 năm (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	14.175.000.000	13.329.000.000
Số phải trả sau 12 tháng	62.669.503.838	58.708.503.838

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	122.000.000.000	50.838.943.262	-	172.838.943.262
Lãi trong năm	-	-	20.254.690.879	20.254.690.879
Chuyển cổ tức phải trả cho cổ đông năm 2023 sang Đầu tư XD CB	-	8.155.440.140	-	8.155.440.140
Trích cổ tức (i)	-	-	(11.080.800.701)	(11.080.800.701)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	6.044.073.109	(6.044.073.109)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(3.022.036.555)	(3.022.036.555)
Giảm khác	-	-	(107.780.514)	(107.780.514)
Số dư đầu năm nay	122.000.000.000	65.038.456.511	-	187.038.456.511
Lãi trong năm	-	-	29.836.986.328	29.836.986.328
Chuyển cổ tức phải trả cho cổ đông năm 2024 sang Đầu tư XD CB (i)	-	11.080.800.701	-	11.080.800.701
Trích cổ tức (ii)	-	-	(16.357.542.481)	(16.357.542.481)
Trích quỹ đầu tư phát triển (ii)	-	8.922.295.897	(8.922.295.897)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (ii)	-	-	(4.461.147.950)	(4.461.147.950)
Giảm khác	-	-	(96.000.000)	(96.000.000)
Số dư cuối năm nay	122.000.000.000	85.041.553.109	-	207.041.553.109

(i) Năm 2024, Công ty tạm trích cổ tức từ lợi nhuận năm 2024 theo Tờ trình số 52/CV-KTTV ngày 03 tháng 01 năm 2025 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Ngày 25 tháng 4 năm 2025, căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 09/NQCN-DHĐCB, thông qua phương pháp phân phối lợi nhuận năm 2024, quyết định không chia cổ tức năm 2024 để tái đầu tư xây dựng năm 2025, phục vụ các công trình cấp nước tạo động lực cho Công ty phát triển. Do đó, Cổ tức năm 2024 được chuyển thành nguồn vốn Quỹ đầu tư phát triển.

(ii) Công ty tạm trích lập các Quỹ khen thưởng phúc lợi, Quỹ đầu tư phát triển và chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2025 theo Tờ trình số 151/CV-KTTV ngày 15 tháng 01 năm 2026 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Đồng thời, Công ty cũng đang làm tờ trình xin phép Chủ sở hữu về việc không chia cổ tức năm 2025 để tái đầu tư xây dựng vào năm 2026. Việc phân phối lợi nhuận này sẽ được thông qua trong kỳ họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.200.000	12.200.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.200.000	12.200.000
- Cổ phiếu phổ thông	12.200.000	12.200.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.200.000	12.200.000
- Cổ phiếu phổ thông	12.200.000	12.200.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Vốn điều lệ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Vốn điều lệ đã được cổ đông góp như sau:

	Số vốn đã góp			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Cổ phần Nhà nước - UBND tỉnh Long An	73.200.000.000	60,0%	73.200.000.000	60,0%
Công ty Cổ phần - Tổng Công ty Nước - Môi trường Bình Dương	46.437.400.000	38,1%	46.437.400.000	38,1%
Cổ đông khác	2.362.600.000	1,9%	2.362.600.000	1,9%
Cộng	122.000.000.000	100%	122.000.000.000	100%

Cổ tức đã được thanh toán trong năm nay là 0 VND (năm trước là 0 VND).

18. BẢO CÁO THEO BỘ PHẬN

Hoạt động sản xuất kinh doanh nước sạch và đường ống cho việc cung cấp nước sạch chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Công ty, trong khi các doanh thu khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu toàn Công ty. Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc tin rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất kinh doanh nước sạch và đường ống cung cấp nước sạch trong một khu vực địa lý, vì vậy không trình bày thêm thông tin bộ phận.

19. DOANH THU

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu cung cấp nước và xét nghiệm nước	341.143.204.058	307.090.404.461
Doanh thu lắp đặt đường ống	17.034.680.605	18.288.857.953
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	358.177.884.663	325.379.262.414

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn cung cấp nước và xét nghiệm nước	230.587.305.549	230.345.761.634
Giá vốn lắp đặt đường ống	13.721.879.205	13.080.794.060
Dự phòng/(Hoàn nhập) giảm giá hàng tồn kho	2.577.759.417	(772.135.950)
Cộng	246.886.944.171	242.654.419.744

21. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	66.109.951.338	39.742.453.101
Chi phí nhân công	45.359.256.903	41.602.105.327
Chi phí khấu hao tài sản cố định	34.514.607.954	35.418.027.306
Chi phí dịch vụ mua ngoài	142.083.952.465	144.943.438.116
Chi phí bằng tiền khác	30.680.879.959	37.399.481.556
Cộng	318.748.648.619	299.105.505.406

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí lãi vay	3.708.086.041	3.855.705.032
Cộng	3.708.086.041	3.855.705.032

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên	11.444.120.951	9.481.577.323
Các khoản chi phí QLDN khác	12.193.106.045	12.440.005.245
Cộng	23.637.226.996	21.921.582.568
b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên	11.094.873.362	10.904.114.126
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	39.707.363.507	22.853.253.018
Cộng	50.802.236.869	33.757.367.144

24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	33.223.147.408	23.268.085.776
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	-	3.682.238.309
Thu nhập chịu thuế	33.223.147.408	26.950.324.085
Thu nhập chịu thuế suất 20%	638.463.392	3.183.624.884
Thu nhập chịu thuế suất 10%	32.584.684.016	23.766.699.201
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	3.386.161.080	3.013.394.897

Công ty xác định thuế thu nhập doanh nghiệp trên cơ sở đánh giá lợi nhuận kế toán không có sự khác biệt đáng kể so với lợi nhuận cho mục đích tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế trong kỳ	29.836.986.328	20.254.690.879
Trừ Quỹ khen thưởng phúc lợi đã trích	4.461.147.950	3.022.036.555
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	25.375.838.378	17.232.654.324
Số cổ phiếu bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	12.200.000	12.200.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.080	1.413
Mệnh giá mỗi cổ phiếu	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty bao gồm vốn điều lệ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Các khoản vay	76.844.503.838	72.037.503.838
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	19.946.984.886	5.409.452.221
Nợ thuần	56.897.518.952	66.628.051.617
Vốn chủ sở hữu	207.041.553.109	187.038.456.511
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	27%	36%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	19.946.984.886	5.409.452.221	19.946.984.886	5.409.452.221
Phải thu khách hàng và phải thu khác	15.824.206.999	10.876.923.002	15.824.206.999	10.876.923.002
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	888.123.138	-	888.123.138
Tổng cộng	35.771.191.885	17.174.498.361	35.771.191.885	17.174.498.361
Công nợ tài chính				
Các khoản vay	76.844.503.838	72.037.503.838	76.844.503.838	72.037.503.838
Phải trả người bán và phải trả khác	112.004.449.523	72.005.359.242	112.004.449.523	72.005.359.242
Chi phí phải trả	-	829.356.000	-	829.356.000
Tổng cộng	188.848.953.361	144.872.219.080	188.848.953.361	144.872.219.080

Công ty xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính theo như thuyết minh số 3, do Thông tư số 210/2009/TT-BTC được Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và dư vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 2 - 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Số cuối năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	19.946.984.886	-	-	19.946.984.886
Phải thu khách hàng và phải thu khác	15.824.206.999	-	-	15.824.206.999
Tổng cộng	35.771.191.885	-	-	35.771.191.885
Số cuối năm				
Các khoản vay	14.175.000.000	54.114.503.838	8.555.000.000	76.844.503.838
Phải trả người bán và phải trả khác	100.748.104.543	11.256.344.980	-	112.004.449.523
Tổng cộng	114.923.104.543	65.370.848.818	8.555.000.000	188.848.953.361
Chênh lệch thanh khoản thuần	(79.151.912.658)	(65.370.848.818)	(8.555.000.000)	(153.077.761.476)

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức cao, tuy nhiên Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền từ hoạt động kinh doanh để thanh toán các khoản nợ đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

	Dưới 1 năm	Từ 2 - 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Số đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.409.452.221	-	-	5.409.452.221
Phải thu khách hàng và phải thu khác	10.876.923.002	-	-	10.876.923.002
Đầu tư tài chính ngắn hạn	888.123.138	-	-	888.123.138
Tổng cộng	17.174.498.361	-	-	17.174.498.361
Số đầu năm				
Các khoản vay	13.329.000.000	54.119.076.838	4.589.427.000	72.037.503.838
Phải trả người bán và phải trả khác	59.704.815.012	12.300.544.230	-	72.005.359.242
Chi phí phải trả	829.356.000	-	-	829.356.000
Tổng cộng	73.863.171.012	66.419.621.068	4.589.427.000	144.872.219.080
Chênh lệch thanh khoản thuần	(56.688.672.651)	(66.419.621.068)	(4.589.427.000)	(127.697.720.719)

27. NGHIỆP VỤ VÀ SỔ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Ngoài các sổ dư và giao dịch với bên liên quan đã được trình bày trong các thuyết minh số 05, 14, 15 và 17, trong năm, Công ty còn có các giao dịch trọng yếu sau với bên liên quan:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Công ty Cổ phần Nước Biwase - Long An		
Tiền mua nước	131.079.612.962	127.989.179.370
Thanh toán tiền mua nước	121.103.827.369	137.223.643.290
UBND tỉnh Long An		
Quyết định chia cổ tức	9.814.525.489	6.648.480.421
Công ty CP - Tổng Công ty Nước - Môi trường Bình Dương		
Quyết định chia cổ tức	6.226.243.797	4.217.734.217

Thu nhập của thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và Kế toán trưởng

Thù lao của Hội đồng Quản trị, Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và Kế toán trưởng được hưởng trong năm như sau:

Họ tên	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
		VND	VND
Ông Nguyễn Bảo Tùng	Chủ tịch HĐQT	1.024.678.879	990.479.902
Ông Phạm Quốc Thắng	Chủ tịch HĐQT (đã miễn nhiệm)	-	70.045.538
Bà Trương Ngọc Thuý Trang	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	875.701.970	764.465.238
Ông Mai Song Hào	Thành viên HĐQT	36.000.000	36.000.000
Ông Trần Tấn Lợi	Thành viên HĐQT	36.000.000	36.000.000
Ông Lưu Văn Cần	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	836.794.053	788.277.879
Ông Cao Duy Thanh	Trưởng Ban kiểm soát	800.894.053	689.362.379
Ông Võ Minh Thái	Trưởng Ban kiểm soát (đã miễn nhiệm)	-	86.172.308
Trương Thị Lệ Khanh	Thành viên Ban kiểm soát	322.422.608	325.557.845
Nguyễn Đình Tuấn	Thành viên Ban kiểm soát	24.000.000	24.000.000
Ông Nguyễn Quốc Phong	Kế toán trưởng	830.084.053	778.636.698
Cộng		4.786.575.616	4.588.997.787

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

28. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Thông tin bổ sung cho các khoản phí tiền tệ

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm 16.016.844.775 VND là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025: 14.999.485.137 VND). Vì vậy, một khoản tiền tương ứng với số chênh lệch đã được điều chỉnh trên phần Tăng/Giảm các khoản phải trả.

Tiền lãi vay đã trả trong năm bao gồm 411.000.000 VND là số tiền lãi vay phát sinh trong năm trước được thanh toán trong năm nay. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng với số chênh lệch đã được điều chỉnh trên phần Tăng/Giảm các khoản phải trả.

Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu không bao gồm (a) 16.357.542.481 VND là số cổ tức năm nay chưa thanh toán và (b) 11.080.800.701 VND là số tiền cổ tức năm trước chưa thanh toán được dùng để tái đầu tư xây dựng năm 2025, do vậy một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trong phần Tăng/Giảm các khoản phải trả.



Nguyễn Bảo Tùng
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Tây Ninh, ngày 29 tháng 01 năm 2026

Nguyễn Quốc Phong
Kế toán trưởng

Trịnh Huỳnh Thủy Tiên
Người lập biểu



CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, CTCP Cấp thoát nước Long An thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính năm 2025 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An

- Mã chứng khoán: LAW
- Địa chỉ: Số 250, đường Hùng Vương, Phường Long An, tỉnh Tây Ninh
- Điện thoại liên hệ: 0272 3825114 Fax: 0272 3826040
- Email: info@lawaco.com.vn. Website: http://lawaco.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC năm 2025

- ☒ BCTC riêng (TC không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);
- ☐ BCTC hợp nhất (TC có công ty con);
- ☐ BCTC tổng hợp (TC có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC năm 2025):

- ☐ Có ☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

- ☐ Có ☒ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC năm 2025):

- ☐ Có ☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

- ☐ Có ☒ Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

- ☒ Có ☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

- ☒ Có ☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☐

Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☒ Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 4 /02/2026
tại đường dẫn: <http://lawaco.com.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách
nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Văn bản giải trình

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LONG AN

Người được ủy quyền CBTT



CAO DUY THANH